

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG



2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

1	TỔNG QUAN CÔNG TY
16	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
30	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
36	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
42	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
48	QUẢN TRỊ CÔNG TY
56	BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Tên tiếng Anh: ANGIANG PORT JOINT-STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1600125108

đăng ký lần đầu ngày 29/03/2011 và thay đổi lần thứ 01 ngày 11/01/2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh An Giang cấp

Vốn điều lệ: 138.000.000.000 đồng

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (0296) 3831447 - (0296) 3831535

Fax: (0296) 3831129

Mã Chứng khoán: CAG

Website: www.angiangport.com.vn



Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kho bãi
- Bốc xếp hàng hóa
- Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ cung ứng nhiên liệu, nước ngọt, điện bờ, chèn lót và sửa chữa tàu biển
- Dịch vụ Logistics
- Đại lý vận tải
- Đại lý Hải quan
- Đại lý xăng dầu
- Đại lý nhiên liệu, phân bón, lương thực, đồ uống, gỗ xây dựng và nguyên liệu xây dựng
- Đại lý bia, nước giải khát
- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển, hoạt động của các đại lý hải quan, giao nhận hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng container;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Cho thuê văn phòng làm việc.
- Xây dựng nhà các loại, công trình dân dụng, đường thủy, bến cảng và công trình trên sông, các cảng du lịch



Địa bàn kinh doanh

XÍ NGHIỆP CẢNG BÌNH LONG

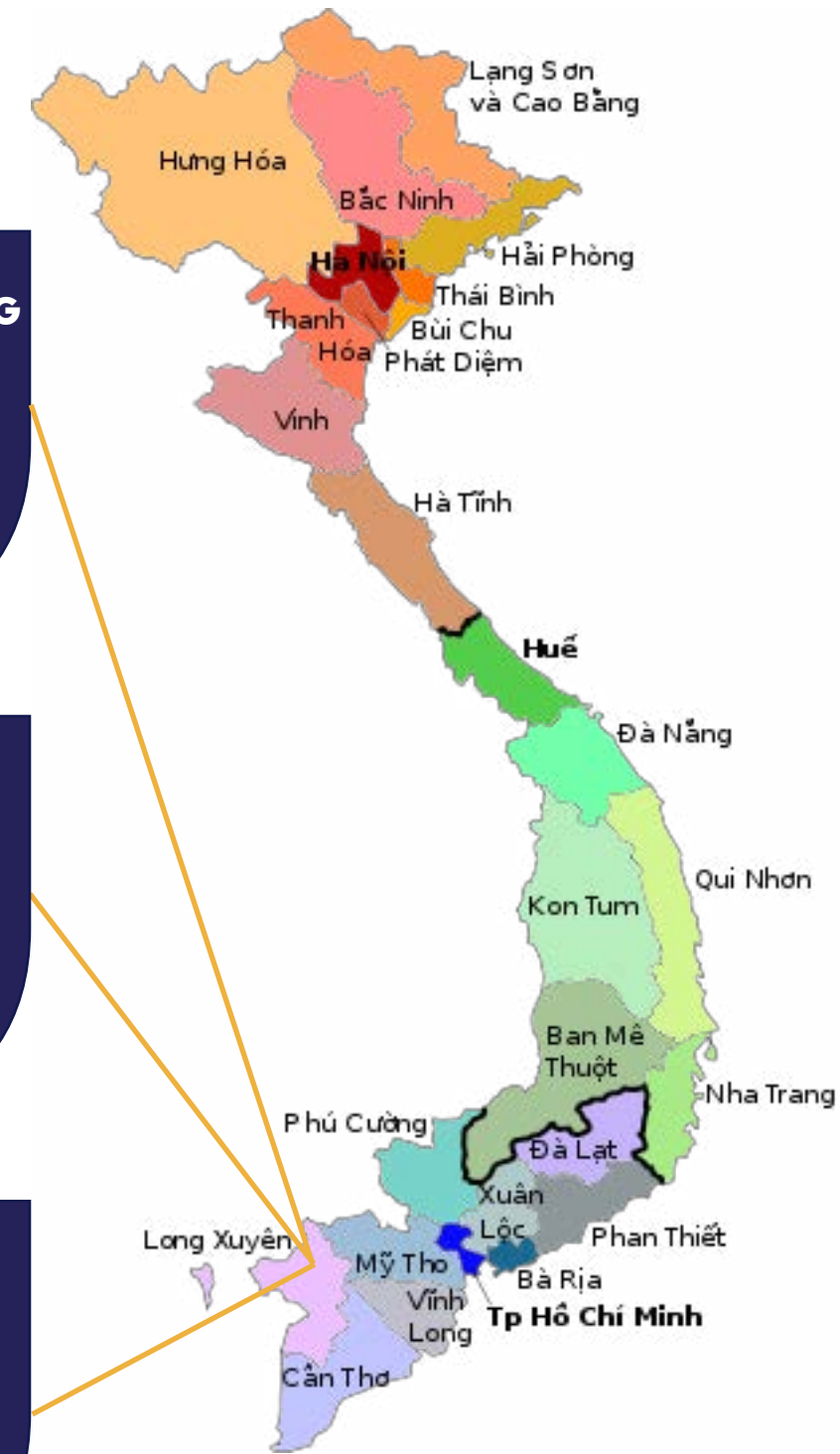
Địa chỉ: Khu công nghiệp Bình Long, Xã Bình Long, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

XÍ NGHIỆP VẬN TẢI BỘ

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

XÍ NGHIỆP CẢNG MỸ THỜI

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Cảng Mỹ Thới An Giang - một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trên lĩnh vực cảng biển, được thành lập theo quyết định số 138/QĐ.UB.TC ngày 05 tháng 04 năm 1985 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang.

TIỀN THÂN

2011

Ngày 01/04/2011: chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cảng An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600125108 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh An Giang cấp với vốn điều lệ là 138 tỷ đồng, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nắm giữ 52,98% vốn điều lệ.

Ngày 22/12/2015: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chính thức chuyển giao vốn Nhà nước nắm giữ tại CTCP Cảng An Giang về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

2015

2016

Thông qua việc thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán (HNX) thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/11/2016.

Ngày 04/12/2017 là ngày đầu tiên Niêm yết thành công cổ phiếu CTCP Cảng An Giang tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với tổng số cổ phiếu niêm yết thành công là 13.800.000 cổ phiếu

2017

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Văn phòng
Hội đồng
quản trị

Phòng
Tổ chức –
Hành chính
– LĐTL &
pháp chế

Phòng
Kế toán
Tài vụ

Phòng
Kế hoạch

Phòng Vật
tư Kỹ thuật

Phòng
Dịch vụ
Tổng hợp

Xí nghiệp
Cảng
Mỹ Thới

Xí nghiệp
Vận tải bộ

Xí nghiệp
Cảng
Bình Long

Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

Thực hiện các chính sách đào tạo, phân phối nhân lực của Công ty nhằm thu hút và xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng. Đồng thời, đưa ra các chính sách về mức lương, chế độ hậu mãi cho cán bộ nhân viên để tạo mối quan hệ thân thiết, gắn bó giữa công ty và nhân viên. Xây dựng hệ thống, cơ chế quản lý bài bản hơn, tìm tòi, tiếp thu các kiến thức mới, nâng cao năng lực của ban quản trị Công ty. Từ đó đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tập trung nâng cao năng lực của đội ngũ điều hành, giải quyết nhanh chóng các thủ tục cho các chủ hàng, chủ tàu, tránh việc nhân viên Công ty gây khó khăn, vò vức chủ hàng, từ đó mới có thể nâng cao giá trị thương hiệu và chất lượng dịch vụ của Công ty.

Công ty cũng tăng cường đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới vào đầu tư, sản xuất. Không chỉ tăng cường mở rộng hợp tác với nhiều đối tác, chủ hàng, cũng như các công ty có tiềm lực trong nước, v.v.... công ty còn xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp để nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường cảng biển.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung mở rộng hai cụm cảng của Công ty là Cảng Mỹ Thới và Cảng Bình Long. Đồng thời phát triển hệ thống dịch vụ Logistics vận tải container để trở thành cảng trung tâm đầu mối cho Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.
- Khai thác và tìm kiếm thêm các đối tác có tiềm năng không những ở khu vực phía Nam mà còn ở các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là các công ty chuyên về lĩnh vực hàng hải và vận tải biển, nhằm khẳng định vị thế và vai trò của Cảng so với các Cảng khác.
- Tập trung liên kết với các đầu mối quốc tế, đặc biệt là các nước ở vùng biên giới giáp ranh với tỉnh An Giang để phát triển khách hàng ở các quốc gia lân cận mà cụ thể là Cambodia
- Giữ vững các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng như mở rộng thêm nhiều hoạt động hơn bằng việc phát triển các sản phẩm dịch vụ mới đem lại hiệu quả cao hơn, tận dụng và khai thác tiềm năng sẵn có của Công ty về con người, cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như lợi thế thị trường.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, Công ty cũng quan tâm đến đời sống nhân viên để từ đó tạo sự gắn bó của cán bộ nhân viên với Công ty.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2017, tốc độ tăng trưởng GDP trong năm qua tăng 7,08% - cao nhất từ năm 2008 tới nay, trong đó kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tăng 13,2% và nhập khẩu tăng 11,1%. Tăng trưởng vượt bậc trong 2 năm qua, nền kinh tế đang dần cải thiện và phát triển bền vững, dự đoán GDP trong năm 2019 sẽ tiếp tục tăng 6-7%. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng gặp không ít khó khăn như chính sách bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch và các chính sách thương mại ở một số nước phát triển, điển hình là Mỹ. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế tăng, đặc biệt là tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu tăng sẽ là động lực thúc đẩy công ty phát triển và ngược lại.

Để tránh ảnh hưởng không tốt từ nền kinh tế, Ban lãnh đạo luôn theo dõi và bám sát nền kinh tế thế giới và Việt Nam nhằm hiểu rõ vấn đề phát sinh, từ đó đưa ra hướng giải quyết phù hợp, kịp thời đối với tình hình kinh doanh của công ty.



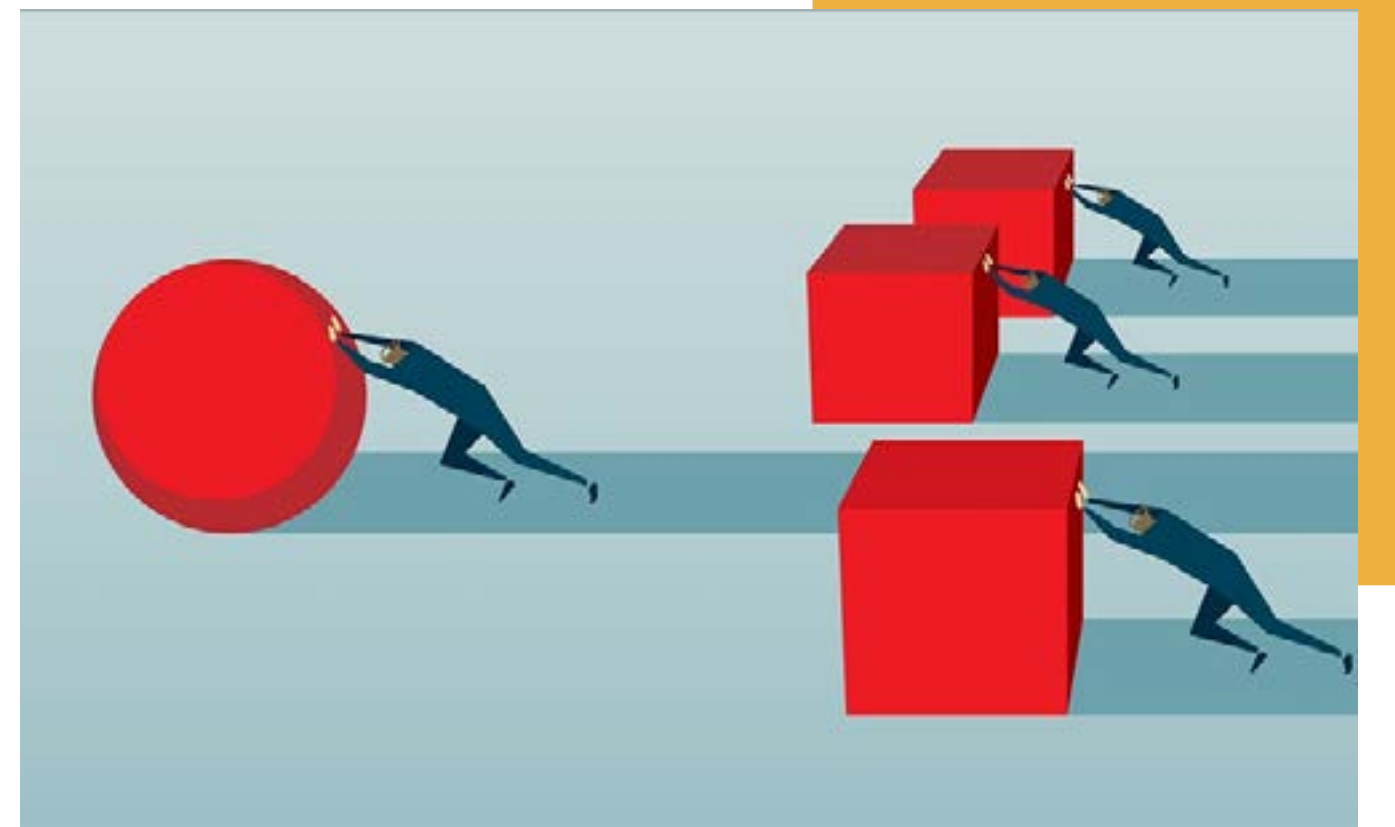
Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam là đất nước có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển ngành cảng biển, do phần lớn lãnh thổ nước ta đều giáp biển. Hiểu được điều này, Chính phủ đã đề ra các chính sách khuyến khích phát triển hệ thống cảng biển.

Tuy nhiên, hệ thống cảng biển tại nước ta lại không thực sự phát triển bởi sự phân tán nhỏ lẻ và có rất ít cảng lớn. Càng nhiều cảng nhỏ, mật độ khoảng cách càng gần cùng với các dịch vụ tương tự nhau, không có sự khác biệt quá lớn, làm cho cạnh tranh trong ngành khá gay gắt.

Bên cạnh đó, tài sản cố định của các công ty kinh doanh cảng biển là khá lớn và chỉ chuyên sử dụng cho vận chuyển hàng hóa, không thể sử dụng cho kinh doanh khác. Các khoản khấu hao của tài sản cố định mỗi kỳ kế toán là rất lớn, ảnh hưởng đến lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Theo đó, Công ty luôn chủ trương giữ vững ổn định khách hàng truyền thống và mở rộng mối quan hệ với các đối tác trong nước và các nước lân cận như Campuchia để mở rộng thị trường, tìm kiếm các khách hàng mới, mở rộng các tuyến vận chuyển để phục vụ nhu cầu của khách hàng với mục đích giảm thiểu rủi ro trên.



CÁC RỦI RO



Rủi ro ngành

Sự phát triển của ngành bị kìm hãm bởi sự lạc hậu của trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, tay nghề nhân lực chưa cao. Đây là khó khăn chung của các doanh nghiệp trong ngành.

Để hạn chế rủi ro trên, Công ty áp dụng công nghệ vào quản lý cảng biển để kiểm soát tốt công suất của các phương tiện, không để tình trạng dư thừa công suất xảy ra. Ngoài ra, các chính sách đào tạo nguồn nhân lực luôn được quan tâm, triển khai thường xuyên để hạn chế những ảnh hưởng do rủi ro ngành gây ra.

Rủi ro lãi suất

Tài sản cố định lớn là một trong những đặc thù của ngành cảng biển. Năm 2018, tài sản cố định chiếm hơn 50% tổng tài sản của Công ty, với tỷ trọng tài sản cố định như vậy, việc sử dụng đòn bẩy tài chính là không thể tránh khỏi. Theo đó, những biến động lãi suất làm ảnh hưởng đến chi phí lãi vay và giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu thiệt hại do tỷ giá gây ra, Công ty luôn theo dõi diễn biến lãi suất thường xuyên, sử dụng nguồn tiền vay đúng mục đích kinh doanh. Ban lãnh đạo công ty luôn xem xét để đảm bảo tỷ lệ an toàn cho vốn vay, tránh những rủi ro lãi suất ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.



Rủi ro luật pháp

Là loại hình công ty cổ phần hoạt động trên lĩnh vực cảng biển nên Cảng An Giang chịu ảnh hưởng bởi các Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Hàng Hải Việt Nam và các văn bản liên quan. Ngoài ra, công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên cũng được điều chỉnh bởi Luật Chứng khoán, và các văn bản liên quan khác.

Mặt khác, Các diễn biến tích cực trong năm qua như các hiệp định quốc tế đã được ký kết như CPTPP (Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương) và FTAs (Việt Nam với EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc,...) Ban lãnh đạo công ty luôn chủ động cập nhật và theo dõi các văn bản luật để đưa ra định hướng công ty phát triển phù hợp với tình hình luật pháp.



Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, bão lụt ... cũng được công ty quan tâm. Đặc biệt, trong năm 2018, tình hình bão lụt ở Việt Nam xảy ra liên tục đã gây ra nhiều thiệt hại đối với ngành cảng biển. Ngoài ra, các tác động từ chính trị như cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty. Nhằm hạn chế những tác động của yếu tố trên Công ty đã thực hiện các biện pháp như mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức của nhân viên để đảm bảo an toàn trong sản xuất, giảm thiểu tối đa thiệt hại khi những biến cố xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

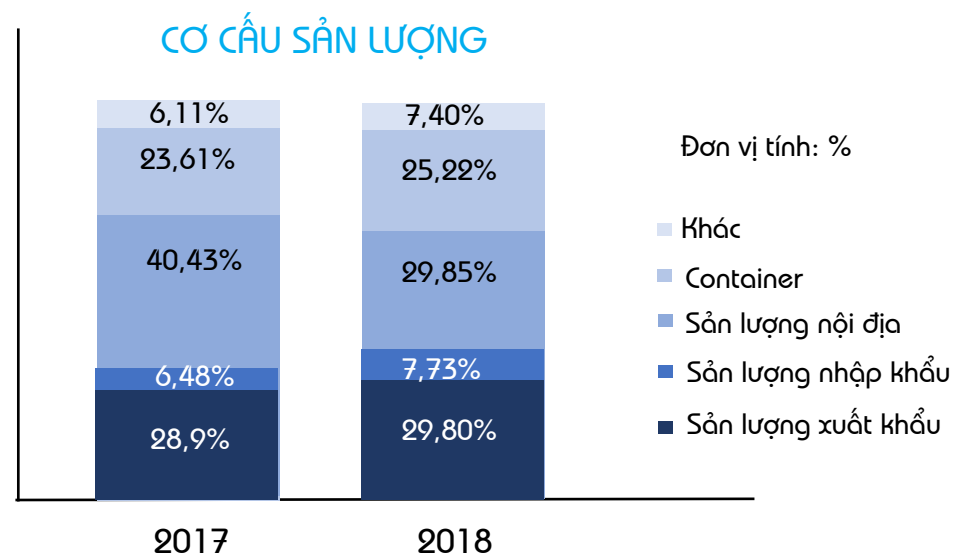
- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ SỰ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

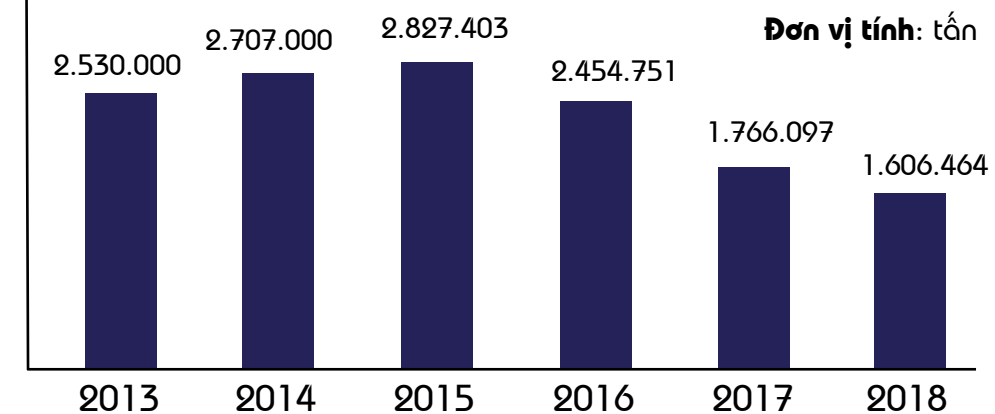
Việt Nam có vị trí nằm ngay cạnh Biển Đông là một cầu nối thương mại đặc biệt quan trọng trên bản đồ hàng hải thế giới. Cùng với đó, năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta tiếp tục tăng trưởng hơn 12%, điều này mang đến những lợi thế cho ngành cảng biển Việt Nam. Tuy nhiên, hệ thống cảng biển hiện nay khá manh mún, phân tán trên khắp cả nước với mật độ cao nên tình trạng congestion cầu diễn ra thường xuyên.

Thị trường cảng biển đang là một thị trường tiềm năng khi các chính sách hội nhập của Chính phủ được triển khai. Từ đó, doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này xuất hiện càng nhiều, gây ra áp lực cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong ngành. Các dịch vụ cung cấp cho khách hàng giữa các doanh nghiệp khác nhau không có sự khác biệt lớn, chủ yếu là cạnh tranh về giá dịch vụ. Bên cạnh đó, tài sản cố định của các doanh nghiệp này luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản và không có khả năng sử dụng cho các hoạt động kinh doanh khác, làm ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí của doanh nghiệp. Những nhân tố trên gây khó khăn đến các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cảng biển nói chung và CAG nói riêng.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
Sản lượng xuất khẩu	Tấn	510.341	600.000	478.806	79,80%	93,82%
Sản lượng nhập khẩu	Tấn	114.461	255.000	124.117	48,67%	108,44%
Sản lượng nội địa	Tấn	616.422	487.500	479.595	98,38%	77,80%
Container	Tấn	416.985	457.500	405.105	88,55%	97,15%
Khác	Tấn	107.888	130.000	118.841	91,42%	110,15%
Tổng cộng	Tấn	1.766.097	1.930.000	1.606.464	83,24%	90,96%



TỔNG SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA QUA CÁC NĂM



Trong năm 2018, tổng sản lượng hàng hóa thông qua đạt hơn 1.606 triệu tấn, chỉ đạt 83,24% kế hoạch đề ra và 90,96% so với cùng kỳ. Cơ cấu sản lượng có sự thay đổi khi sản lượng xuất khẩu, nhập khẩu và container tăng, trong khi sản lượng nội địa có xu hướng giảm. Nguyên nhân là do sản lượng gạo và clinker qua cảng sụt giảm. Cụ thể, Gạo nội địa năm 2018 thông qua Cảng của một hàng này năm 2018 đạt 388.589 tấn đạt 86,4 % kế hoạch và bằng 89,4% so với cùng kỳ, do giá gạo không ổn định có lúc giá gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn giá gạo ở các tỉnh phía bắc, nguồn cung thiếu do các doanh nghiệp xuất khẩu gạo tập trung mua hàng để giao cho các hợp đồng xuất khẩu đã được ký kết và một hàng này năm nay chỉ tiêu thụ nội địa. Ngoài ra, clinker thông qua Cảng chủ yếu là cung cấp cho Nhà máy Xi măng An Giang, nhưng hiện nay họ đã xây dựng cầu Cảng chuyên dùng để đưa tàu đến xếp dỡ. Mặt dù bộ phận khai thác đã nhiều lần tiếp xúc làm việc với các khách hàng mới nhưng vẫn còn nhiều khó khăn như: Đa số các nhà máy xi măng nằm trong khu vực lân cận thì họ đã có bến riêng, hoặc nằm trong khu vực có bến phao neo tàu như khu vực cái sắn, bến phao Cảng Hoàng Diệu, Trà Nóc... Trong khi đó các nhà máy xi măng ở Kiên Lương, Hà Tiên thì lại thiếu phương tiện trung chuyển vào mùa cao điểm. Nên các tàu giao clinker ở các cảng Thành phố HCM do phương tiện lên giao hàng và nhận clinker về từ đó giải phóng tàu nhanh và chi phí thấp hơn

Mặt khác, kênh Quan Chánh Bồ vẫn chưa tiếp nhận được tàu có tải trọng lớn vào Sông Hậu, điều này gây bất lợi cho việc vận chuyển gạo xuất khẩu và gỗ nhập khẩu của các cảng hoạt động trên sông Hậu nói chung và CAG nói riêng. Các chính sách nhập khẩu lương thực tại nhiều quốc gia đã đặt ra nhiều rào cản kỹ thuật làm hạn chế việc xuất khẩu của các doanh nghiệp, kéo theo lượng gạo xuất khẩu qua các thị trường thông qua Cảng Mỹ Thới chỉ đạt 478.806 tấn, tương đương 79,8% kế hoạch năm và bằng 93,8% so với cùng kỳ. Tương tự, lượng gỗ nhập khẩu cũng giảm gần 20,8% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do các doanh nghiệp nhập khẩu từ Úc, Solomon, Myanmar thay vì Malaysia (do chính phủ cấm khai thác), vì đường vận chuyển xa hơn và để tiết kiệm chi phí, các doanh nghiệp nhập khẩu lựa chọn các cảng tàu lớn tại TP.HCM.

Tuy nhiên, năm qua CAG đã thay đổi cơ cấu nguồn hàng khi nhập khẩu phân xá từ Malaysia, Indonesia về đóng gói tại Cảng và hàng bao nhập khẩu từ Trung Quốc. Mặc dù, một hàng này thông qua Cảng năm 2018 chỉ đạt 33.466 tấn nhưng đây là thành công bước đầu trong công tác khai thác hàng hóa. Trong tương lai, một hàng này có thể tăng sản lượng do nhu cầu của thị trường và Cảng đã đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra của khách hàng. Ngoài ra, một hàng container có sự cạnh tranh của 4 cảng trong khu vực nhưng CAG vẫn giữ vững vị thế hàng đầu của mình (theo VPA) với sản lượng xếp dỡ tăng 3,4%.

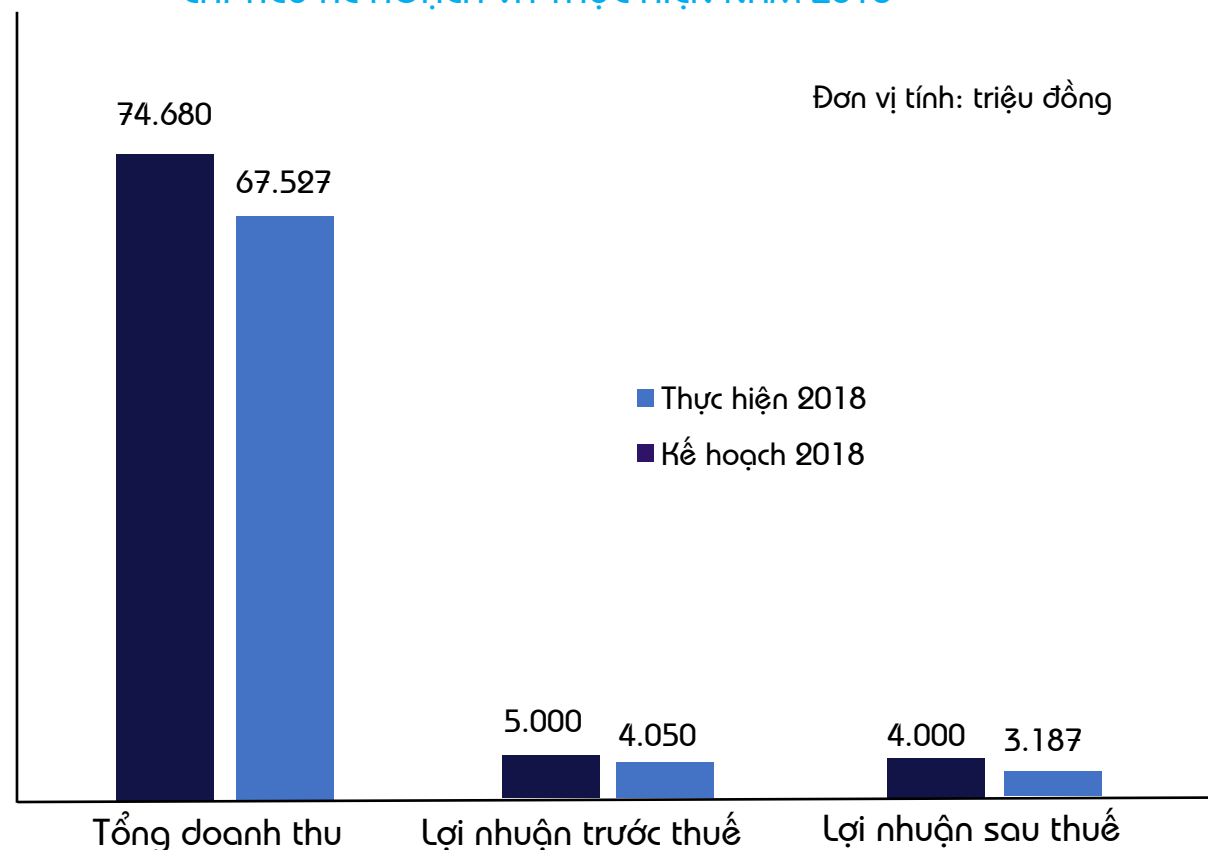
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Các chỉ tiêu kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
Tổng doanh thu	69.015	74.680	67.527	90,42%	97,84%
Lợi nhuận trước thuế	3.985	5.000	4.050	81,01%	101,64%
Lợi nhuận sau thuế	3.134	4.000	3.187	79,68%	101,71%

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN NĂM 2018



Mặc dù, tổng doanh thu năm 2018 giảm 1.488 triệu đồng so với năm 2017 nhưng lợi nhuận sau thuế tăng gần 2%. Cụ thể, tổng doanh thu trong năm qua đạt 67.527 triệu đồng, lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt là 4.050 triệu đồng và 3.187 triệu đồng. Tuy cả 3 chỉ tiêu này chỉ đạt hơn 80-90% kế hoạch đề ra nhưng lợi nhuận trước và sau thuế cao hơn năm 2017 khoảng 2%. Nguyên nhân chính là do các chi phí có xu hướng giảm như: chi phí lãi vay giảm 76,9 triệu đồng còn 94,45 triệu đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm đáng kể 2.646 triệu đồng còn 8.356 triệu đồng. Các chi phí giảm cho thấy Ban lãnh đạo công ty đã thực hiện tốt các biện pháp, chính sách giảm thiểu chi phí, tối ưu lợi nhuận nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh tốt. Các mặt hàng thông qua cảng trong năm là các mặt hàng truyền thống như: gạo xuất khẩu, gạo xuất nội địa, gỗ nhập khẩu, clinker, container và một mặt hàng mới khai thác là phân bón nhập khẩu. Trong khi các mặt hàng truyền thống có xu hướng giảm thì mặt hàng mới ảnh hưởng tích cực đến sản lượng nhập khẩu, đạt 108,44% so với cùng kỳ.

Năm 2018 Việt Nam tiếp tục trúng thầu và xuất khẩu một lượng lớn gạo vào các thị trường như Trung Quốc, Châu phi, Bangladesh, Malaysia, Philippines, Timo, Hàn Quốc... tuy nhiên các đơn hàng này chỉ thông quan tại các cảng lớn ở khu vực TP.HCM do sông Hậu vẫn chưa tiếp nhận được tàu có tải trọng lớn. Bên cạnh đó, các quốc gia trong khu vực đã thay đổi chính sách nhập khẩu lương thực và đưa ra nhiều rào cản kỹ thuật làm các doanh nghiệp xuất khẩu có phần e dè trong hoạt động của mình.

Cảng Bình Long trong năm này vẫn gặp nhiều khó khăn nhưng đã dần cải thiện hơn khi các sản lượng thông qua cảng có sự tăng trưởng so với cùng kỳ, khoảng 10,2%. Nhờ vào chính sách phù hợp của Ban lãnh đạo công ty trong năm qua mà Doanh thu đạt 4,85 tỷ đồng, tương đương 107,68% kế hoạch và bằng 119,18% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế 194 triệu đồng.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
01	Lê Việt Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
02	Bùi Thành Hiệp	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
03	Trần Văn Cam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
04	Trần Tấn Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
05	Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
06	Lê Văn Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
07	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016

Ông Lê Việt Thành

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư kinh tế vận tải biển; Bằng quản lý rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Năm 1992 – 1993: Nhân viên giao nhận Cty Giao nhận và xếp dỡ kho bãi Nhà BèNăm 1993 – 1994: Kế toán viên xí nghiệp In Hải quan, Tổng Cục Hải quanNăm 1994 – 2005: Chuyên viên; Trưởng phòng Bảo hiểm tài sản; Trưởng phòng bồi thường Cty Bảo hiểm TP.Hồ Chí MinhNăm 2005 – 2007: Phó Tổng giám đốc CTCP Bảo hiểm AAANăm 2007 – nay: Phó Giám đốc; Đảng ủy viên; Bí thư chi bộ chi nhánh khu vực phía Nam – Tổng Cty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước;Năm 2010 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm TV PHARMNăm 2013 – nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Cty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản Bà Rịa-Vũng Tàu.Năm 2008 – 2014: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bảo hiểm Bảo MinhNăm 2012 – 06/2015: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Kho vận Miền Nam (Sotrans)Từ 05/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng An Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">Phó Giám đốc Chinh nhánh khu vực phía Nam – Tổng Công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược phẩm TV PHARM.Chủ tịch Hội đồng thành viên Cty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản Bà Rịa-Vũng Tàu.
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ông Bùi Thành Hiệp

Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Năm 1996 – 1998: Trưởng phòng Dịch vụ tổng hợp Cảng Mỹ ThớiNăm 1998 – 2000: Phó Giám đốc Cảng Mỹ Thới An GiangNăm 2000 – 2011: Giám đốc Cảng Mỹ Thới An GiangTháng 04/2011 – 04/2016: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cảng An GiangTháng 05/2016 – nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">Ủy viên thường vụ Đảng ủy Khối doanh nghiệp An Giang, Bí thư Đảng ủy CTCP Cảng An Giang.Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Cảng biển Việt Nam.
Số cổ phần sở hữu cá nhân	2.400 cổ phần, chiếm 0,02% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Trần Văn Cam

Trình độ học vấn	Cử nhân Quản trị doanh nghiệp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Năm 2005 – 2007: Đội trưởng đội KĐGNHH.KH Cảng Mỹ Thới An GiangNăm 2007 – 2010: Phó phòng Điều độ kiêm Đội trưởng Đội KĐGNHH.KHNăm 2010 – 2011: Trưởng phòng TCHC-LĐTLTháng 04/2011 - 04/2016: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC – TĐTLTừ 05/2016 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - kiêm Phó Tổng Giám đốc - kiêm Trưởng phòng TCHC-LĐTL-PC – kiêm Chánh Văn phòng HĐQT Công ty CP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">Đảng ủy viên - Đảng ủy CTCP Cảng An GiangChủ tịch Công đoàn CTCP Cảng An Giang
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.200 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Trần Tấn Phong

Trình độ học vấn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Năm 2004 – 2007: Phó phòng Kỹ thuật Vật tư Cảng Mỹ ThớiNăm 2007 – 2010: Q. Trưởng phòng Điều độNăm 2010 – 2011: Trưởng phòng Điều độTháng 04/2011 - 04/2016: Thành viên Hội đồng Quản trị - kiêm Phó Tổng Giám đốc - kiêm Giám đốc XN Cảng Mỹ Thới CTCP Cảng An GiangTháng 05/2016 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - kiêm Phó Tổng Giám Công ty CP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Đảng ủy viên - Đảng ủy CTCP Cảng An Giang
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.300 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông Lê Văn Phúc

Trình độ học vấn	Cử nhân Luật
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Năm 1975: Giáo viên, cán bộ Phòng giáo dục Huyện Châu Thành, An GiangNăm 1978: Tham gia quân độiNăm 1983: Chuyển ngành về Công ty Xuất khẩu Long XuyênNăm 1986: Phó Giám đốc Công ty Lâm sản TP, Long XuyênNăm 1990: Làm việc tại Công ty Vật tư Tổng hợp An GiangNăm 1994: Phó Phòng TCHN Công ty Xăng dầu An GiangNăm 2005: Phó Trưởng ban Phát triển Cửa hàng Công ty Xăng dầu An GiangNăm 2010: Trợ lý BGĐ về pháp luật Công ty Xăng dầu An Giang, Luật sư doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang)Tháng 04/2011 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng Văn phòng luật sư Lê Văn Phúc – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.
Số cổ phần sở hữu cá nhân	529.000 cổ phần, chiếm 3,83% số cổ phần có quyền biểu quyết



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ông Nguyễn Quốc Bảo

Trình độ học vấn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	Năm 2011 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần sở hữu cá nhân	Không có

Ông Nguyễn Việt Hùng

Trình độ học vấn	Kỹ sư Cơ khí
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Năm 1969 – 1972: Chiến sĩ tình đội An GiangNăm 1972 – 1975: Trường học sinh Miền NamNăm 1982 – 2000: Phó Giám đốc Cảng Mỹ Thới, Giám đốc Cảng Mỹ Thới, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải An Giang, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải An GiangNăm 2000 – 2010: Bí thư Thành ủy Thành phố Long XuyênNăm 2011 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần sở hữu cá nhân	Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
01	Bùi Thành Hiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/03/2011
02	Trần Văn Cam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2011
03	Trần Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2011
04	Nguyễn Văn Cơ	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/04/2011

Sơ yếu lý lịch của Ông Bùi Thành Hiệp, Ông Trần Văn Cam và Ông Trần Tấn Phong vui lòng xem tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

Ông Nguyễn Văn Cơ

Trình độ học vấn	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Năm 2001 – 2003: Đội trưởng Đội cung ứng Dịch vụ Cảng Mỹ Thới An GiangNăm 2003 – 2006: Phó phòng Kế toán tài vụ Cảng Mỹ Thới An GiangNăm 2006 – 2007: Q. Trưởng phòng Kế toán tài vụ Cảng Mỹ Thới An GiangNăm 2007 – 2011: Trưởng phòng Kế toán tài vụ Cảng Mỹ Thới An GiangTháng 04/2011 đến 04/2016: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Tài vụ CTCP Cảng An Giang.Từ 5/2016 đến nay: Kế toán trưởng; Trưởng phòng Kế toán Tài vụ CTCP Cảng An Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Đảng ủy viên - Đảng ủy CTCP Cảng An Giang
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.800 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
01	Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
02	Trần Thị Thu Trà	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
03	Trần Thị Thúy Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016

Bà Nguyễn Thị Bạch Mai

Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	- Năm 1993 – 1994: Phó Phòng Kế toán Cảng Mỹ Thới - Năm 1994 – 2001: Kế toán trưởng Cảng Mỹ Thới - Năm 2001 – 2010: Phó Giám đốc Cảng Mỹ Thới - Tháng 04/2011 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng ban thu hồi công nợ CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Bí thư – Đảng ủy CTCP Cảng An Giang
Số cổ phần sở hữu cá nhân	2.700 cổ phần, chiếm 0,02% số cổ phần có quyền biểu quyết

Bà Trần Thị Thu Trà

Trình độ học vấn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	- Năm 04/2004 – 12/2006: Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Tháng 01/2007 – 06/2008: Phó Giám đốc Tài chính - thành viên HĐQT CTCP Bảo hiểm Bảo Tín - Tháng 04/2011 – 03/2014: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ khí Ngân hàng - Tháng 04/2012 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Thủy Sản Cửu Long - Tháng 07/2008 đến nay: Chuyên viên đầu tư Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh khu vực phía Nam - Tháng 05/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cảng An Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy Sản Cửu Long
Số cổ phần sở hữu cá nhân	Không có

Bà Trần Thị Thúy Hạnh

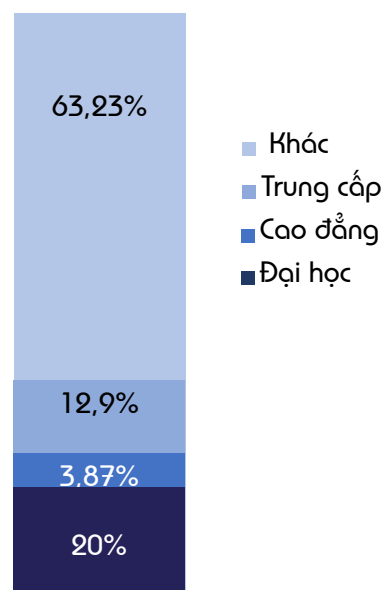
Trình độ học vấn	Cử nhân Anh văn
Quá trình công tác	- Năm 2006 – 2012: Nhân viên phòng Kế hoạch CTCP Cảng An Giang - Tháng 04/2012 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Nhân viên phòng Kế hoạch CTCP Cảng An Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần sở hữu cá nhân	400 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

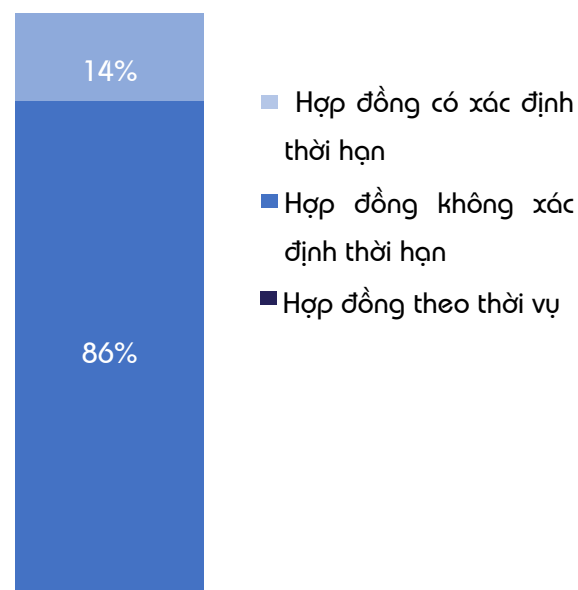
Tình hình nhân sự

Tính chất phân loại	2018	Tỷ trọng
Theo trình độ	155	100,00%
Trên Đại học	-	-
Đại học	31	20%
Cao đẳng	06	3,87%
Trung cấp	20	12,90%
Khác	98	63,23%
Theo hợp đồng lao động	155	100,00%
Hợp đồng có xác định thời hạn	22	14,00%
Hợp đồng không xác định thời hạn	133	86,00%
Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	-	-

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



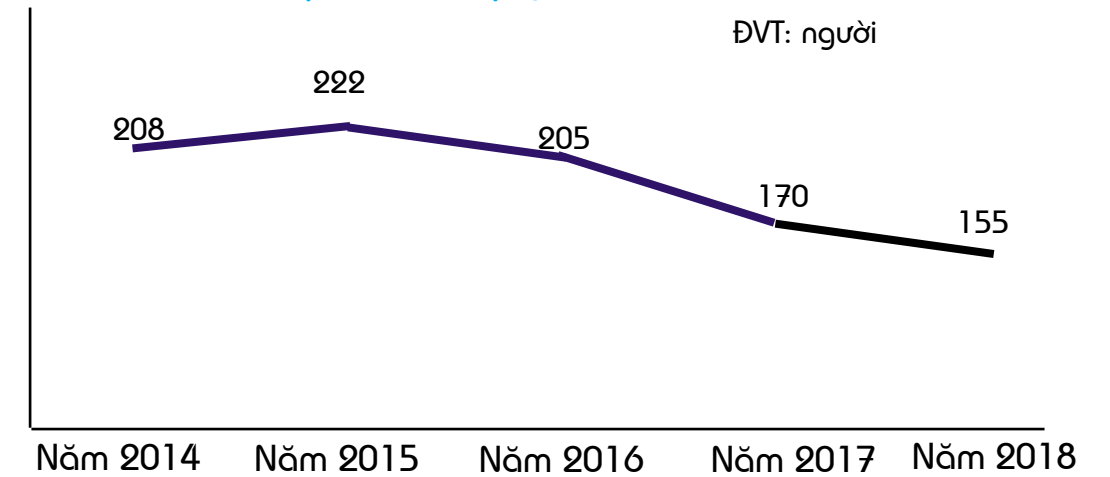
CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



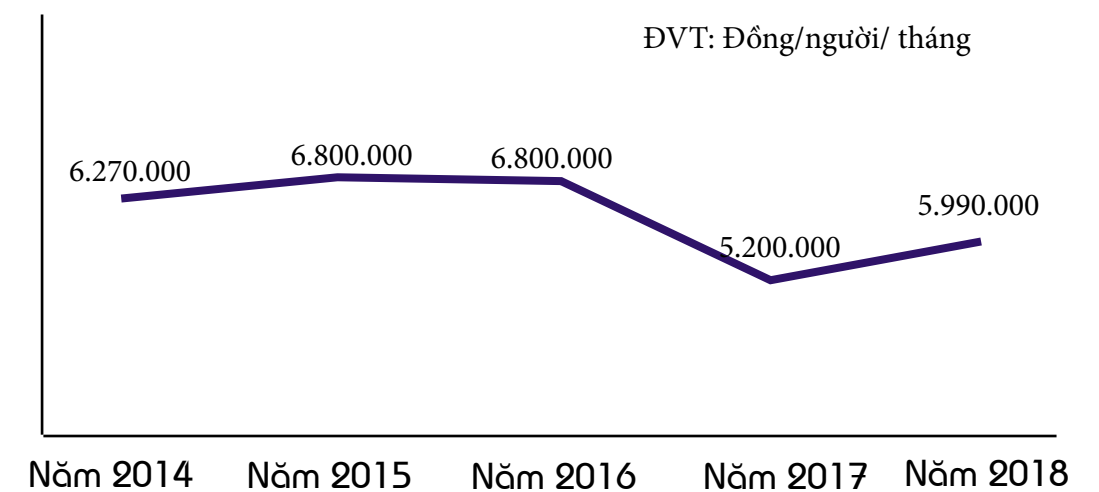
Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

	2016	2017	2018
Tổng số lượng cán bộ nhân viên	205	170	155
Thu nhập bình quân	6.800.000	5.200.000	5.990.000

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ QUA CÁC NĂM



THU NHẬP BÌNH QUÂN





Về chính sách đào tạo

Để phát triển bền vững, Công ty luôn nâng cao kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên nhằm xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, thúc đẩy sự phát triển bền vững của công ty. Đồng thời, Công ty cũng nâng cao các kỹ năng khác cho cán bộ nhân viên để có thể thực hiện được mục tiêu chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân viên, từ đó đáp ứng những yêu cầu phát triển của Công ty. Công ty tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho nhân viên để phát triển đội ngũ kế thừa. Hàng năm, công ty tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ cho các cán bộ nhân viên sau khi ký kết hợp đồng lao động theo kế hoạch đào tạo hoặc đào tạo theo yêu cầu của đơn vị. Các chính sách hỗ trợ học phí đối với những cán bộ nhân viên có sự tìm tòi, học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn cũng được công ty chú trọng.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Chính sách lương và phụ cấp

Công ty đã thực hiện chính sách lương phù hợp với từng bộ phận để có thể khuyến khích hiệu quả sản xuất. Đồng thời, Công ty còn có các chính sách phụ cấp cho cán bộ nhân viên của Công ty như: Phụ cấp độc hại, phụ cấp công tác, v.v.... Các khoản phụ cấp này giúp cho cán bộ nhân viên Công ty yên tâm công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chính sách khen thưởng

Với những cán bộ nhân viên có thành tích tốt trong công việc và các bộ phận đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao, công ty luôn khuyến khích, khen thưởng thông qua các chính sách như tháng lương 13, thưởng theo thành tích đạt được, thưởng sáng kiến kỹ thuật, v.v.... Các chính sách trên nhằm tạo động lực làm việc cho cán bộ nhân viên, gắn kết mối quan hệ thân thiết giữa nhân viên với công ty.

Chế độ chính sách khác

Công ty hiểu rằng nguồn nhân lực là động lực phát triển lâu dài nên ngoài các chính sách về lương, thưởng, phụ cấp nêu trên thì Công ty còn chăm lo cho đời sống và sức khỏe của cán bộ nhân viên bằng các chế độ bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, các chế độ phúc lợi cũng được áp dụng như: thưởng các ngày lễ lớn như Tết dương lịch, Kỷ niệm ngày thành lập Công ty, tổ chức các hoạt động nghỉ dưỡng cho cán bộ nhân viên Công ty hàng năm, v.v.... Đối với các nhân viên nữ, Công ty cũng hỗ trợ tiền, tặng quà trong những ngày đặc biệt như ngày Quốc tế phụ nữ, ngày thành lập Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Các chế độ khác cũng được duy trì và đảm bảo bao gồm: Chi tiền ăn giữa ca, cấp phát đồng phục, trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên của Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nội dung công trình	Giá trị đầu tư (đồng)
Xây dựng công trình kè bảo vệ bãi cứng	3.511.530.000
Dự án đầu tư mở rộng Cảng Mỹ Thới	250.920.340.000

- **Xây dựng công trình kè bảo vệ bãi cứng**

Công ty đã quyết định đầu tư xây dựng công trình kè bảo vệ bãi cứng phần khu đất của Sở GTVT đã bàn giao cho Công ty cổ phần Cảng An Giang. Tổng giá trị xây dựng dự toán là 3.511.530.000 đồng

- **Dự án đầu tư mở rộng Cảng Mỹ Thới**

Công ty đang tiến hành thực hiện quyết định của UBND Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án mở rộng Cảng Mỹ Thới, nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời mở rộng quy mô kho bãi đáp ứng nhu cầu hàng hóa xuất nhập qua Cảng, nhất là hàng hóa Container lưu bãi như đóng, rút hàng. Đồng thời, sau khi dự án hoàn thành giai đoạn I, tiếp nhận tàu có trọng tải 10.000 DWT cập cầu cảng, xếp dỡ hàng.

Tổng chi phí đầu tư: 250.920.340.000 đồng.

- Chi phí đầu tư, giải phóng mặt bằng: 57.510.595.609 đồng.
- Chi phí xây dựng: 193.409.744.391 đồng



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	Tăng/giảm so với 2017
Tổng tài sản	Triệu đồng	161.753	153.161	151.942	-0,8%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	82.245	67.837	66.332	-2,22%
Lợi nhuận HĐKD	Triệu đồng	14.516	3.861	4.055	5,04%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-147	124	- 5,2	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.369	3.985	4.050	1,64%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.389	3.134	3.187	1,71%

Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
01	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	7,82	9,85
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	7,42	9,39
02	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	4,98	4,08
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	5,24	4,25
03	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	21	20,82
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,43	0,43
04	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,62	4,80
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	2,15	2,19
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,05	2,09
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,69	6,11
05	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	198	208



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

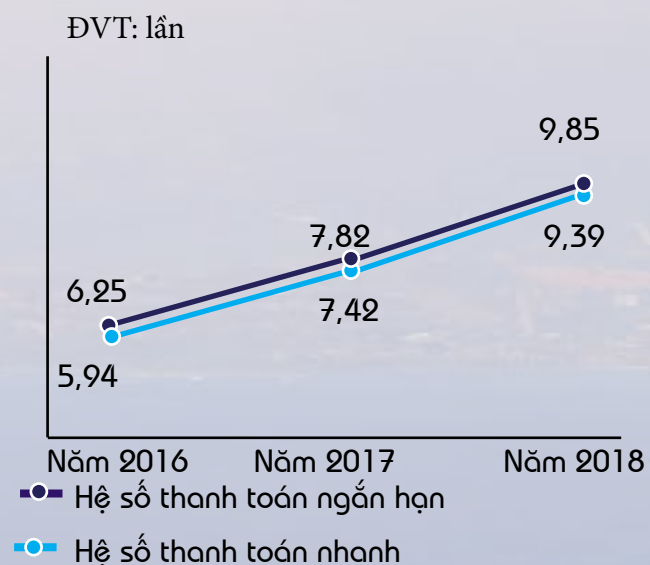
* Khả năng thanh toán

Cả 2 chỉ số thanh toán trong năm 2018 đều tăng đáng kể, khoảng 26-27% so với năm ngoái. Nguyên nhân chính là do Tài sản ngắn hạn tăng 12.2%, trong khi nợ ngắn hạn giảm 10,89%.

Trong tài sản ngắn hạn, khoản tương đương tiền tăng mạnh do Công ty thu hồi 15 tỷ từ khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Mặt khác, các chỉ số thanh toán đều lớn hơn 1 cho thấy công ty có đủ khả năng thanh toán. Các khoản tiền và tương đương tiền chiếm gần 69% tài sản lưu động, đảm bảo thanh toán đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

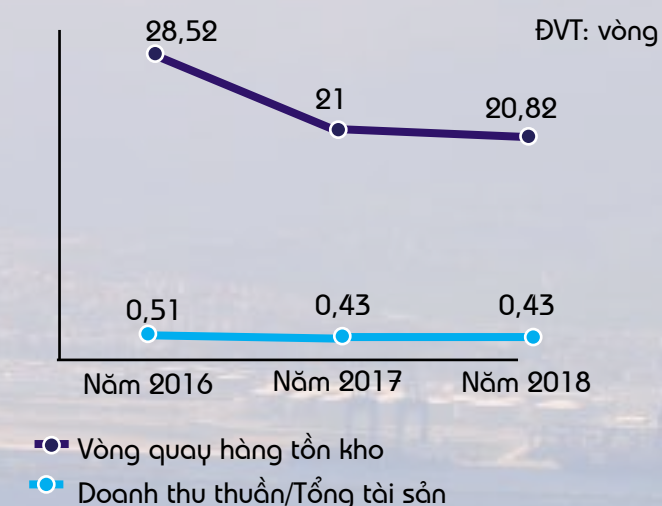


* Năng lực hoạt động

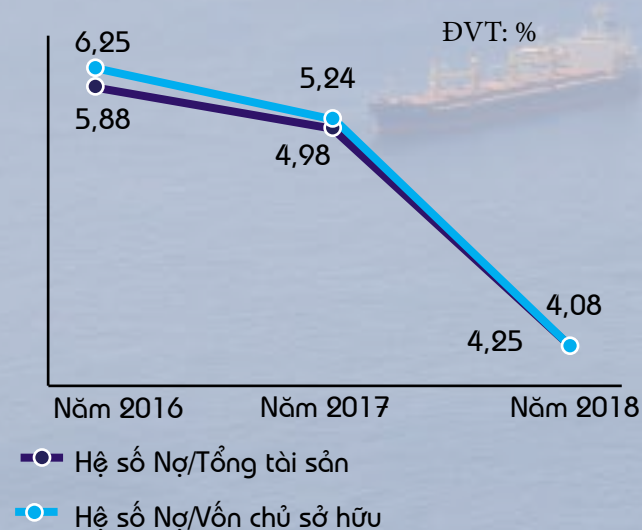
Trong năm 2018, vòng quay hàng tồn kho giảm 0.86% và vòng quay tài sản tăng 1.12%.

Vòng quay hàng tồn kho giảm nguyên nhân là do hàng tồn kho tăng. Trong năm Công ty dự trữ gạo nhằm hạn chế sự biến động bất thường của giá gạo. Ngoài ra việc dự trữ giúp duy trì hoạt động của Công ty khi thời tiết biến đổi thất thường như hiện nay. Vòng quay tài sản tăng cho thấy hiệu suất sử dụng và quản lý tài sản của Công ty ngày càng cải thiện. Trong sản xuất, Công ty ứng dụng công nghệ hiện đại và thực hiện đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, định kỳ bảo trì tài sản.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

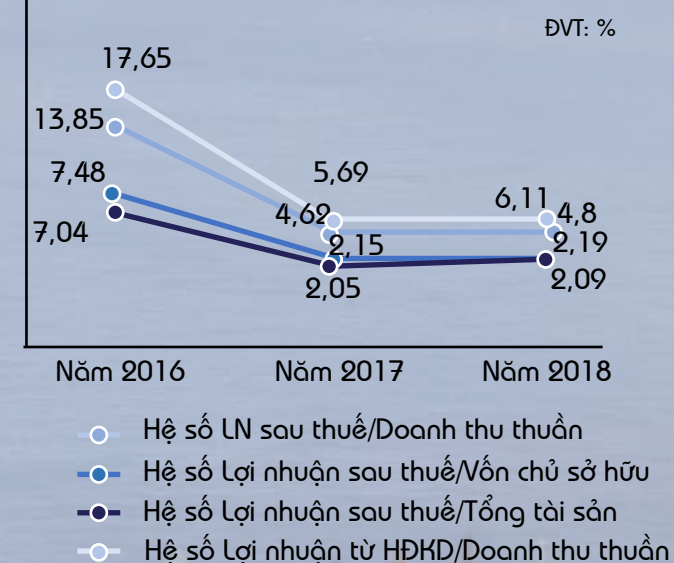


* Cơ cấu vốn

Năm 2018, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt là 4.08% và 4.25%, đều giảm so với năm 2017. Nguyên nhân do Nợ phải trả giảm 18,73% trong đó Nợ dài hạn giảm hơn 56,7% so với năm 2017.

Trong năm Công ty thanh toán hết khoản nợ vay ngắn hạn và chuyển khoản nợ vay dài hạn sang khoản nợ vay ngắn hạn theo đúng lộ trình thanh toán cam kết giữa hai bên. Ngoài ra, năm qua Công ty không vay thêm, chủ yếu sử dụng vốn chủ để tài trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh, mua sắm máy móc thiết bị. Nhằm tránh những biến động vĩ mô khi nền kinh tế thế giới có nhiều bất ổn.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



* Khả năng sinh lời

Việc sông Hậu chưa thể tiếp nhận tàu có tải trọng lớn vẫn tiếp diễn trong năm qua, gây khó khăn cho Công ty, các hàng hóa không được trực tiếp xuất khẩu mà phải trung chuyển qua các tàu lớn tại các cảng khác. Trong năm 2018, Ban lãnh đạo công ty đã và đang triển khai các kế hoạch nhằm cải thiện được khó khăn trên, từ đó, các chỉ số về khả năng sinh lời đều tăng trưởng. Dẫn đến Lãi cơ bản trên cổ phiếu có sự tăng trưởng khá 5,05% so với năm trước.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Vốn điều lệ: 13.800.000 đồng.

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 13.800.000 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ phiếu thường: 13.800.000 cổ phiếu.

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.

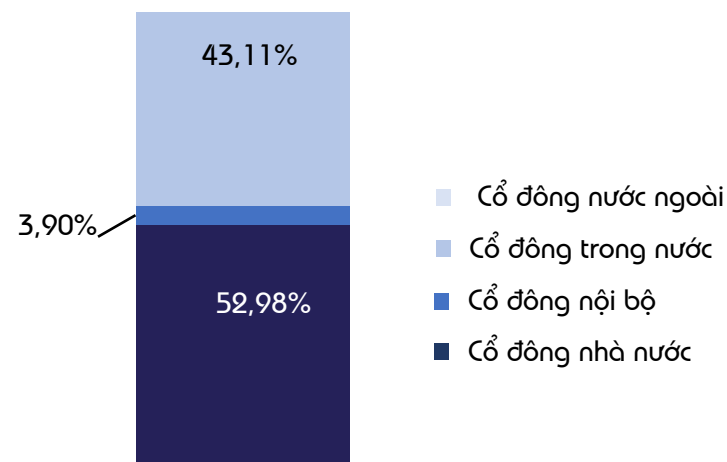
Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 13.800.000 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 29/06/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Cổ đông nhà nước	7.311.600	73.116	52,98%
02	Cổ đông nội bộ	538.800	5.388	3,90%
03	Cổ đông trong nước	5.949.600	59.496	43,11%
	- Tổ Chức	1.735.900	17.359	12,58%
	- Cá nhân	4.213.000	42.137	30,53%
04	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
05	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		13.800.000	138.000	100,00%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Danh sách cổ đông lớn

STT	Đối tượng	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	7.311.600	52,98%
02	Công ty TNHH MTV XNK Hùng Anh	1.579.000	11,44%
03	Công ty CP Vận Tải Thủy Tân Cảng	800.000	5,8%
04	Cao Lương Tri	700.000	5,07%
05	Công ty Cổ phần GENTRACO	697.700	5,06%
Tổng cộng		11.088.300	80,35%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty Cổ phần Cảng An Giang không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2018, Công ty không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có





BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Lĩnh vực	Sản xuất		Kinh doanh	
	Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị
Nguyên liệu	(lít)	(đồng)	(lít)	(đồng)
Dầu DO	322.336	4.126.378.165	548.843	6.717.069.939
Nhớt các loại	6.933	346.650.000	1.405	70.238.000
Điện	396.998 Kw tương đương 641,3 triệu đồng			
Nước sinh hoạt	5.465 m3 tương đương 60 triệu đồng			

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Nguồn năng lượng được sử dụng hiện nay có nguồn gốc từ các tài nguyên không thể tái tạo, nên tình trạng cạn kiệt tài nguyên ảnh hưởng đến cung cấp nguồn năng lượng cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Vấn đề này càng trở nên khó khăn hơn khi nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng tăng. Theo dự báo của EIA thì đến năm 2030 thì mức tiêu thụ năng lượng toàn cầu dự kiến sẽ tăng lên 55%. Do đó, việc triển khai các chính sách tiết kiệm năng lượng là điều cần thiết.

Hiểu được tính cấp thiết của vấn đề thiếu hụt năng lượng, Công ty đã sử dụng nhiều biện pháp để tiết kiệm nguồn năng lượng như thay thế các thiết bị điện sử dụng nhiều điện năng, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị thường xuyên để tránh tình trạng thất thoát năng lượng, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết.... Ngoài ra, Công ty cũng thường nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên Công ty về tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như giảm thiểu chi phí sử dụng năng lượng của Công ty.

TIÊU THỤ NƯỚC

Dân số toàn cầu tăng, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nước cũng tăng theo. Tuy nhiên, tình trạng lãng phí nước tại các thành phố lớn vẫn đang diễn ra trong khi các vùng nông thôn lại thiếu nước nghiêm trọng do mạng lưới nước vẫn chưa được thiết lập và phát triển. Điều này đã gây khó khăn cho người dân tại các vùng nông thôn. Để hạn chế việc lãng phí nước đồng thời tối thiểu chi phí hoạt động, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp để tiết kiệm nguồn nước như kiểm tra đường ống dẫn nước thường xuyên; tránh tình trạng nước bị rò rỉ hay thất thoát, tận dụng nguồn nước mưa. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường giáo dục, nâng cao kiến thức của cán bộ nhân viên Công ty về tiết kiệm nguồn nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp. Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng khi nhiều nhà máy, xí nghiệp đã không thực hiện đúng những quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường gây ra nhiều bức xúc trong xã hội. Bởi tác hại do nhận thức yếu này trở nên nghiêm trọng hơn, ô nhiễm sông, hồ, biển làm cá chết, ô nhiễm không khí làm nhiệt độ Trái Đất tăng ... Hiểu được mối nguy hại trên, Công ty luôn thực đúng các quy định của Nhà nước về môi trường. Đối với các chủ tàu, Công ty cũng đưa ra các quy định chặt chẽ để tránh tình trạng xả rác bừa bãi cũng như vấn đề ô nhiễm nguồn nước do dầu máy, đồ dùng sinh hoạt xả ra tại Cảng. Mặt khác, Công ty còn có bộ phận dịch vụ gom rác thải sinh hoạt trên các tàu và thường xuyên cải tạo môi trường để tránh những tác động tiêu cực đến môi trường có thể xảy ra trong tương lai. Với quan niệm bảo vệ môi trường là bảo vệ cho cuộc sống, cho sức khỏe của chúng ta, Công ty luôn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên Công ty cùng với các khách hàng để có thể bảo vệ môi trường sống cho thế hệ mai sau.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty cổ phần cảng An Giang luôn gìn giữ nét truyền thống quý báu, tương thân tương ái, yêu thương và sự đùm bọc lẫn nhau. Do đó, năm qua công ty qua đã có những hoạt động thiết thực với cộng đồng địa phương như tặng quà thăm hỏi bà mẹ Việt Nam Anh Hùng trong tỉnh, phát động và thực hiện chương trình đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ xây dựng cầu đường nông thôn, ủng hộ đồng bào miền Trung, v.v...

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn chú trọng đến tinh thần và vật chất của người lao động bởi công ty hiểu rõ người lao động chính là yếu tố quan trọng trong sự phát triển bền vững của một công ty. Trong năm 2018, Công ty luôn có những kế hoạch hỗ trợ, tổ chức các đợt tập huấn cho các cán bộ nhân viên của Công ty để họ tiếp cận được các công nghệ mới, khảo sát thực tế tại các cảng lớn nhằm nâng cao kiến thức cũng như học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh. Đồng thời, với mục tiêu nâng cao tay nghề của cán bộ công nhân mà các lớp huấn luyện về an toàn lao động và các lớp kỹ năng về bốc xếp hàng hóa cũng được thực hiện. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các chính sách lương, thưởng cũng như phụ cấp phù hợp cho từng bộ phận của Công ty nhằm khuyến khích khả năng sản xuất của từng đơn vị. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm cho cán bộ nhân viên Công ty như bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, v.v...

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

Nền kinh tế thế giới năm 2018 chịu áp lực nghiêm trọng bởi cuộc chiến thương mại của Mỹ - Trung. Khởi đầu là các sắc lệnh đánh thuế nhập khẩu với mặt hàng thép và nhôm vào thị trường Mỹ và hàng trăm mặt hàng khác từ hai quốc gia lớn này cũng được đưa ra đánh thuế sau đó, gây thiệt hại ở nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, FED trong năm qua cũng tăng 4 lần lãi suất, lên mức 2,25%-2,5%, cao nhất từ trước đến nay. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng có một số thành tựu nhất định. Tiếp tục xu hướng tăng năm 2017, tăng trưởng GDP của nước ta tăng 7,08% - cao nhất trong 10 năm qua. Trong đó, hàng hóa xuất khẩu tăng 13,2% và nhập khẩu tăng 11,1%, điều này cho thấy nhu cầu về hàng hóa của người dân đang tăng trưởng, góp phần cho ngành cảng biển phát triển. Năm qua, giá xăng dầu tăng do OPEC giảm sản lượng dầu thô, thiên tai, bão lũ cũng liên tục xảy ra, nhưng Chính phủ đã đưa ra các chính sách khắc phục kịp thời nhằm ổn định thị trường và đời sống người dân. Từ đó giúp nền kinh tế - xã hội của Việt Nam tiếp tục duy trì và phát triển.

Mặc dù, nền kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng mạnh mẽ nhưng thời tiết, biến đổi khí hậu bất thường trong năm qua đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế của tỉnh An Giang bởi mặt hàng chủ lực là gạo và thủy sản. Giá của hai mặt hàng chủ lực trong năm qua không ổn định gây khó khăn cho nhiều doanh nghiệp liên quan trong khu vực, trong đó có Công ty Cổ phần Cảng An Giang. Hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh An Giang, nên khi nền kinh tế An Giang gặp khó khăn sẽ khiến cho hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng. Dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng những chính sách lãnh đạo đúng đắn của Đảng ủy, cùng với sự chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo Công ty và quyết tâm của tập thể CB – CNV nên Công ty vẫn giữ vững thị phần hàng hóa, giữ được khách hàng truyền thống, đã tìm kiếm, mở rộng khách hàng mới và thay đổi nguồn hàng hóa phù hợp với bối cảnh trong năm 2018.

Thuận lợi

Ban lãnh đạo của Công ty luôn theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để có thể đưa ra các chính sách kịp thời và phù hợp với tình hình của Công ty, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Với những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế, xã hội như hiện nay; Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra các biện pháp hữu hiệu nhằm động viên các cán bộ, nhân viên và người lao động cùng nhau giữ vững thương hiệu của Công ty. Bên cạnh đó, cùng với đội ngũ nhân viên nhiệt tình, cũng như những công nhân cơ giới có tay nghề cao cùng với nhiều năm kinh nghiệm, và lực lượng công nhân thủ công đã tạo nên sức mạnh giúp Công ty đạt được những thành tựu như hiện nay.

Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên thì Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi thị trường gạo – mặt hàng vận chuyển chủ lực của Công ty trong năm 2018 gặp nhiều khó khăn, mà nguyên nhân chính là do sự thay đổi chính sách nhập khẩu của Trung Quốc, siết chặt nhập khẩu gạo qua đường tiểu ngạch và tăng cường rào cản qua đường chính ngạch. Điều này đã khiến sản lượng gạo thông qua cảng giảm mạnh. Ngoài ra, các tàu có tải trọng lớn chưa được tiếp nhận vào Cảng để nhận hàng do luồng vào Sông Hậu chưa ổn định, làm cho sản lượng hàng hóa xuất khẩu qua Cảng giảm phải trung chuyển lên các Cảng ở Tp.HCM xếp lên tàu lớn. Mặc khác, trên một đoạn Sông Hậu có đến 4 bến cảng cùng hoạt động nên cạnh tranh diễn ra gay gắt, đã đặt ra nhiều thách thức lớn đối với Công ty trong việc giữ vững ổn định thị phần vùng nước và hiệu quả SXKD. Trong khi khách hàng truyền thống cũng gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh nên đã yêu cầu Cảng chia sẻ khó khăn, giảm cước dịch vụ nếu không được đáp ứng yêu cầu sẽ chuyển cảng khác.

Không những vậy, Công ty còn nhận được nhiều sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), cùng với sự ủng hộ của sở ban ngành, và sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước như: Cảng Vụ Hàng Hải An Giang, Cảng Vụ Đường Thủy Nội Địa, Hải Quan cửa khẩu Cảng Mỹ Thới, Đồn Biên Phòng cửa khẩu Cảng Mỹ Thới, Kiểm Dịch Y Tế Quốc Tế, Kiểm Dịch Thực Vật, v.v.... Và đặc biệt là sự kết hợp chặt chẽ với các chủ hàng, chủ tàu, đại lý nên Công ty đã có thể phát huy được tối đa về châm ngôn: “năng suất – chất lượng – an toàn – hiệu quả”.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

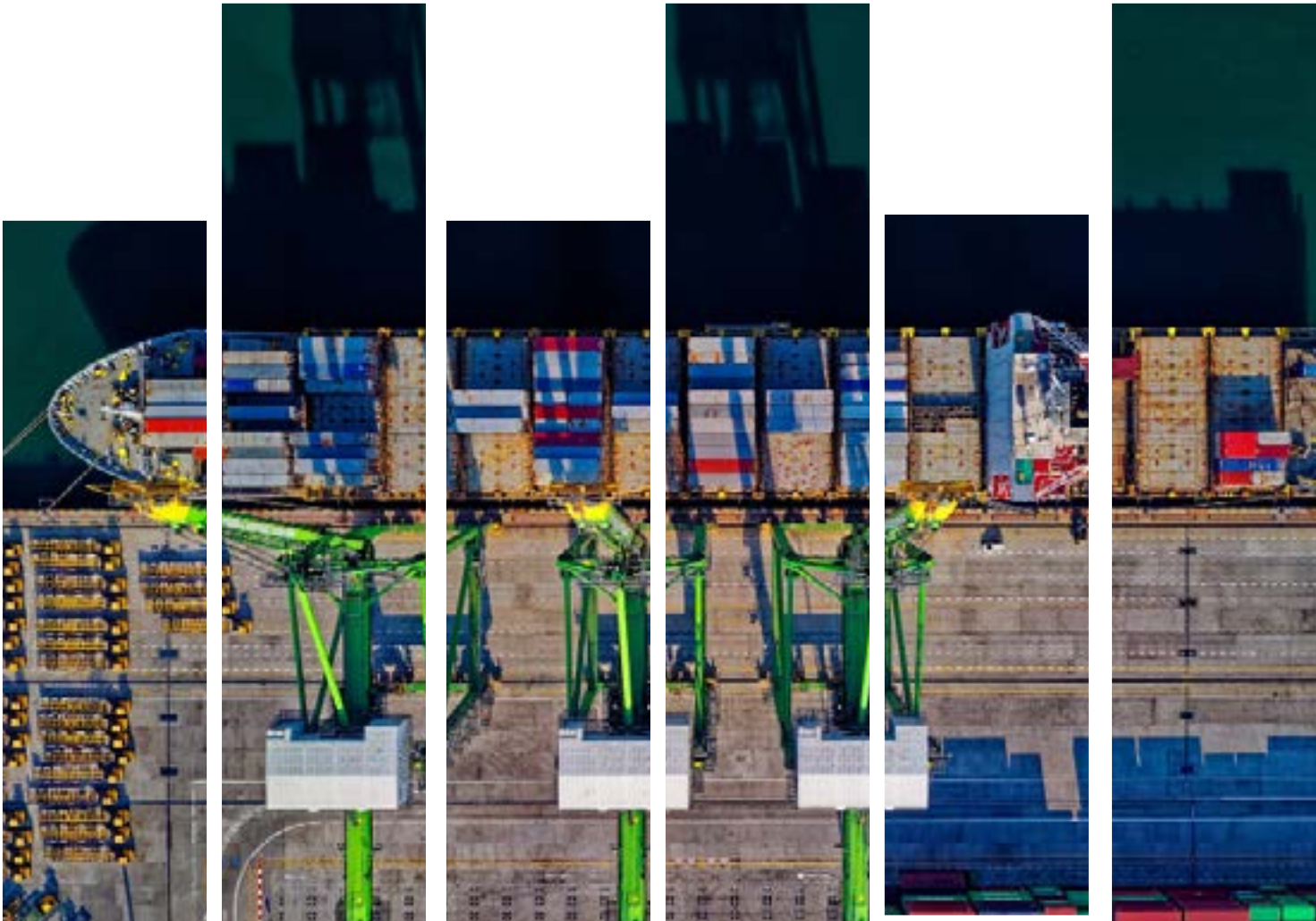
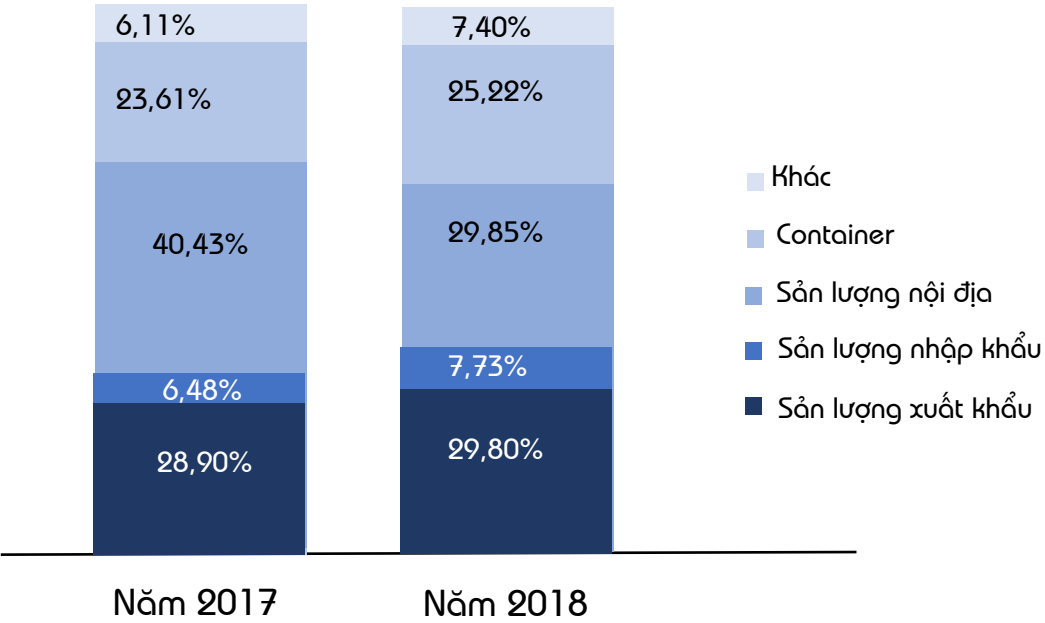
Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	TH 2018	TH 2018/TH 2017
Tổng sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	1.766.097	1.606.464	-9,04%
Sản lượng xuất khẩu	Tấn	510.341	478.806	-6,18%
Sản lượng nhập khẩu	Tấn	114.461	124.117	8,44%
Sản lượng nội địa	Tấn	616.422	479.595	-22,2%
Container	Tấn	416.985	405.105	-2,85%
Khác	Tấn	107.888	118.841	10,15%
Tổng doanh thu	Tr.đồng	69.015	67.527	-2,16%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	3.985	4.050	1,64%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.134	3.187	1,71%

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng năm 2018 giảm nhẹ so với năm 2017. Cụ thể, tổng sản lượng năm 2018 chỉ đạt 83,24% so với kế hoạch đề ra và giảm 9,04% so với tổng sản lượng năm 2017. Trong đó, sản lượng Nhập khẩu và Cảng Bình Long lần lượt tăng 8,44% và 10,15%. Các sản lượng trên tăng là do mặt hàng phân bón mới được khai thác và container xuất qua Cảng năm 2018 có xu hướng tăng. Tuy nhiên sản lượng xuất qua cảng các mặt hàng nội địa như: Gạo, gỗ, clinker so với cùng kỳ đều sụt giảm rất lớn. Do vậy, khối lượng tăng của sản lượng nhập khẩu và Cảng Bình Long vẫn chưa bù đắp được sự sụt giảm của sản lượng hàng xuất khẩu và nội địa. Nguyên nhân của sự sụt giảm này chủ yếu là do giá mặt hàng gạo nội địa không ổn định và các chính sách về lương thực ở một số quốc gia có sự thay đổi. Năm qua, tuy tình hình hoạt động kinh doanh gặp khó khăn nhưng Ban lãnh đạo Công ty vẫn cố gắng để đạt được mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra từ đầu năm.

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG

Đơn vị tính: %



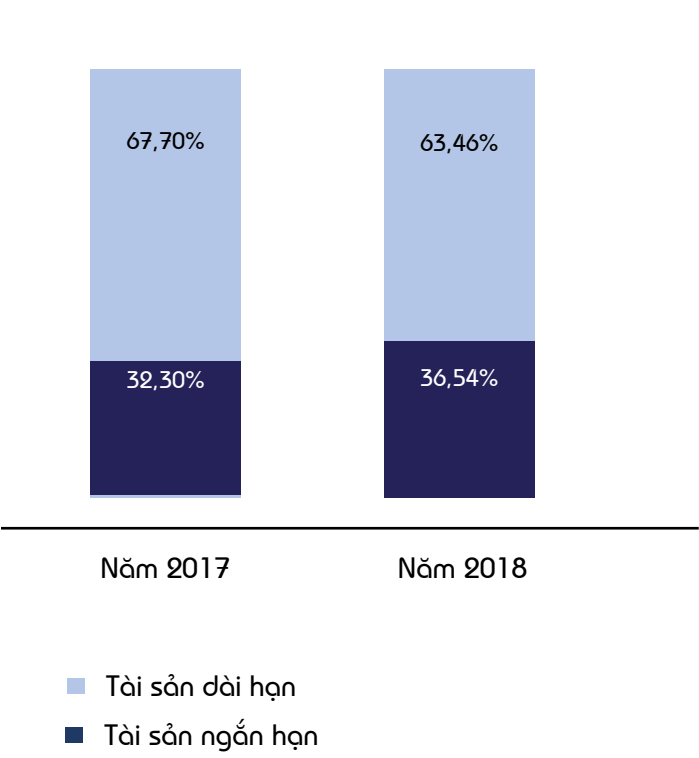


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	49.475	32,30%	55.517	36,54%
Tài sản dài hạn	103.686	67,70%	96.425	63,46%
Tổng tài sản	153.161	100%	151.942	100%

CƠ CẤU TÀI SẢN



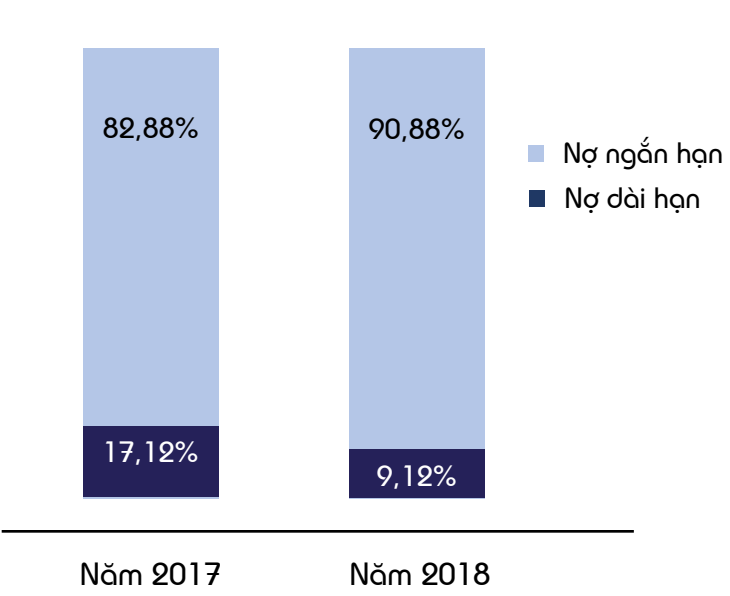
Năm 2018, Tổng tài sản của Công ty Cổ phần Cảng An Giang đã giảm nhẹ 0,8%. Nguyên nhân chính là do tài sản ngắn hạn chỉ tăng 12,21% trong khi tài sản dài hạn lại giảm 7%. Trong khi đó, tài sản dài hạn lại chiếm tỷ trọng 63,46% nên đã khiến tổng tài sản của Công ty giảm. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do tài sản dài hạn khác giảm mạnh (45,19%), và tài sản cố định giảm 7.73%. Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng nhẹ vì các khoản tương đương đương tiền của Công ty đã tăng 20 tỷ đồng, hàng tồn kho và các chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn tăng lần lượt là 2,22% và 7,58% nhưng tài sản ngắn hạn khác lại giảm 37,6%

Tình hình nợ phải trả

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	6.323	82,88%	5.634	90,88%
Nợ dài hạn	1.306	17,12%	566	9,12%
Nợ phải trả	7,629	100%	6.200	100%

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ

Tại thời điểm cuối năm 2018, tổng nợ phải trả của Công ty là 6,200 tỷ đồng, giảm 18,7% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn và dài hạn giảm, cụ thể trong cơ cấu nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2018 thì khoản mục phải trả người bán tăng giảm 29,9% trong khi đó khoản mục phải trả người lao động tăng 6,63%, khoản mục quỹ khen thưởng, phúc lợi gấp 10 lần so với cùng kỳ năm 2017. Ngoài ra, trong năm Công ty cũng tập trung thanh toán các khoản nợ dài hạn dẫn đến khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn đã thanh toán hết.





CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công tác quản lý khai thác điều hành

Trước tình hình khó khăn về hàng hóa như phân tích nêu trên Ban Điều hành Công ty kêu gọi sự nỗ lực hết mình của tập thể Cán bộ - CNV trong Công ty cố gắng khắc phục mọi khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác khai thác hàng hóa: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, giữ vững ổn định khách hàng truyền thống. Quan tâm, chăm sóc và nâng cao mối quan hệ gắn bó với khách hàng. Theo dõi sát tình hình biến động của thị trường và chủ động trước tình hình thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt để có những chính sách điều chỉnh hợp lý, kịp thời trong sản xuất kinh doanh từng giai đoạn, thời kỳ, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng thương hiệu để giữ vững và mở rộng thị phần. Trước tình hình còn gặp nhiều khó khăn về nguồn hàng, trong khi mức độ cạnh tranh ngày càng tăng, các tổ khai thác đã chủ động khảo sát, thâm nhập vào các mặt hàng mới, khách hàng mới để khai thác nguồn hàng bù đắp sự suy giảm sản lượng của các mặt hàng truyền thống.



Chủ động xây dựng phương án kinh doanh, cơ chế chính sách giá phù hợp với từng thời kỳ trong năm để thu hút khách hàng đưa hàng về cảng. Tiến hành rà soát, điều chỉnh giá thành và triển khai các giải pháp tiết kiệm, giảm chi phí đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty. Công tác kiểm soát, tiết kiệm chi phí luôn được quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong điều kiện nguồn hàng còn nhiều khó khăn, mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng thì việc tiết kiệm chi phí là biện pháp hữu hiệu giúp phòng ngừa rủi ro và hỗ trợ các chương trình phát triển và thu nhập cho người lao động. Tại các cuộc họp giao ban Tổng Giám đốc Công ty dành thời gian tập trung phân tích và có những chỉ đạo về công tác tiết kiệm chi phí đối với những khoản chi phí có thể cắt giảm hoặc chưa cần thiết.

Công tác tổ chức điều hành sản xuất khoa học hợp lý, đảm bảo năng suất giải phóng tàu, thực hiện giải phóng tàu theo yêu cầu của khách hàng, đúng kế hoạch, không để xảy ra tình trạng tàu chờ, bố trí cầu bến phù hợp theo yêu cầu sản xuất của công ty, chủ động bố trí tàu lai phục vụ tàu ra vào cầu, bến phao an toàn. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, tận dụng khai thác tối đa cầu bến, đảm bảo năng suất lao động

Tổ chức sản xuất hợp lý, điều động phương tiện sản xuất phù hợp với công việc cụ thể của từng mặt hàng nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí sản xuất. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, thiết bị sản xuất để kịp thời phát hiện những hư hỏng để sửa chữa tránh bị động trong sản xuất. Điều phối phương tiện, nhân sự giữa các Xí nghiệp. Căn cứ vào lượng hàng hóa, tính chất hàng hóa, tình trạng hoạt động của phương tiện, thiết bị sản xuất từng Xí nghiệp và tính năng của từng phương tiện, thiết bị. Công ty đã thực hiện điều chuyển tạm thời phương tiện, thiết bị và nhân sự giữa các Xí nghiệp nhằm tận dụng hiệu quả nhất nguồn lực của cảng.

Công tác quản lý kỹ thuật - Đầu tư xây dựng

Công tác bảo trì, sửa chữa được duy trì thường xuyên, xưởng sửa chữa đảm bảo công tác bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời các phương tiện sản xuất không để bị động trong sản xuất. Không kể giờ giấc khi nào cần bộ phận kỹ thuật cũng có mặt để khắc phục phương tiện kịp thời, nhất là các phương tiện xuất nhập container bị sự cố vào ban đêm.

Công tác chuyên môn kỹ thuật, thực hành tiết kiệm luôn được quan tâm, đơn đốc thực hiện nghiêm túc. Tiến hành triển khai tiết kiệm nhiên liệu, vật liệu trên cơ sở định mức kỹ thuật. Rà soát các dự toán sửa chữa phương tiện sản xuất và dự án đầu tư mua sắm, xây dựng và bảo dưỡng phương tiện trước khi trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.



Phòng dịch vụ tổng hợp mở rộng thị trường cung ứng nhiên liệu, làm tốt công tác cung ứng dịch vụ tàu biển như dịch vụ cấp nước ngọt cho tàu, cút lót, đổ rác đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Tiếp tục tập trung đổi mới công tác quản trị, phương pháp điều hành, tập trung rà soát lại các khoản chi phí, đảm bảo tiết kiệm chi phí, kinh doanh có hiệu quả.

Hàng tuần Ban điều hành Công ty họp giao ban với lãnh đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ của công ty và giám đốc các Xí nghiệp để nắm lại tình hình sản xuất kinh doanh đồng thời có những chỉ đạo kịp thời để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Theo nhận định của Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng với việc nắm bắt thông tin từ chủ hàng, chủ tàu, đại lý... cho thấy tình hình sản xuất kinh trong năm 2019 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Gạo nội địa tiếp tục sụt giảm do Trung Quốc thay đổi chính sách nhập khẩu, trong khi đó gạo xuất khẩu phần lớn khách hàng vẫn giao hàng bằng tàu lớn hoặc đóng container tại các Cảng ở Tp. HCM để giảm chi phí. Với sản lượng hàng hóa ngày càng sụt giảm nhưng trên một đoạn sông Hậu chỉ cách nhau vài kilomet có đến 5 nhà khai thác cùng ngành hoạt động khiến áp lực cạnh tranh ngày càng tăng. Với vị trí các cảng gần nhau đã dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt về giá. Một khác do đặc thù của ngành cảng biển là tài sản cố định luôn chiếm một tỷ trọng lớn, chi phí khấu hao cao nên tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu không cao. Bên cạnh đó thời tiết không ổn định cũng làm ảnh hưởng đến năng suất xếp dỡ hàng hóa, đóng container và thời gian quay vòng của các tàu.

Tuỳ nhiên dự án Kênh Quan Chánh bổ tiếp tục được duy tu nạo vét tạo điều kiện thuận lợi cho tàu có trọng tải lớn vào Sông Hậu nhận hàng của các doanh nghiệp xuất khẩu theo hợp đồng thương mại với các nước trong khu vực sẽ tăng lên. Cùng với chất lượng dịch vụ ngày càng cao, được khách hàng tin tưởng, ủng hộ. Sự liên doanh liên kết chặt chẽ với các đơn vị dịch vụ logistic cùng với sự hỗ trợ của các cơ quan hữu quan và sự quyết tâm của toàn thể CB – CNV trong toàn Công ty sẽ thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2019

Một số định hướng

- Công tác khai thác tiếp tục giữ vững nguồn hàng truyền thống thông qua Cảng, giữ vững thị phần đồng thời mở rộng khai thác nguồn hàng mới thay thế gạo nội địa.
- Tiếp tục quan hệ với các Công ty xuất khẩu gạo theo hợp đồng thương mại sang thị trường Malaysia, Philippin, Timo, Hàn Quốc đưa tàu từ 4.000 đến 6.000 tấn đến cảng xếp dỡ.
- Chủ động tìm khách hàng mới, đáp ứng nhu cầu khách hàng bằng chất lượng dịch vụ tốt nhất. Nâng cao năng suất xếp dỡ, đảm bảo an toàn về người, hàng hóa và phương tiện.
- Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị Logistic tìm kiếm khách hàng, có chính sách giá hợp lý để khách hàng đưa hàng đến Cảng đóng container cũng như vận chuyển container đến kho khách hàng để đóng hàng, mở tuyến vận chuyển container đi các tỉnh lân cận.
- Khai thác triệt để cầu tàu, bến phao, dịch vụ lai dắt, dịch vụ cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác.
- Nâng cao chất lượng đóng container gạo tại bãi, đảm bảo số lượng hàng hóa chất xếp, vệ sinh khu vực đóng hàng, cầu cảng, điều độ hiện trường luôn có mặt theo dõi trong quá trình đóng hàng.



Một số chỉ tiêu chính

- Sản lượng hàng hóa thông qua: 1.750.000 tấn.
- Doanh thu: 74,6 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 4,5 tỷ đồng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Một số giải pháp

- Tăng cường công tác quản lý Công ty, rà soát, sắp xếp lại nhân sự phù hợp nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí mang lại hiệu quả cao trong SXKD. Quản lý chặt chẽ chi phí quản lý, thực hành tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực. Tăng cường công tác bảo vệ cơ quan, công tác phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự trong toàn Công ty.
- Tăng cường công tác khai thác hàng hóa, nắm bắt kịp thời thông tin khách hàng để đề ra chiến lược khai thác. Tập trung khai thác các mặt hàng thế mạnh như gạo xuất khẩu theo hợp đồng thương mại. Có chiến lược cạnh tranh với các Cảng lân cận để thu hút khách hàng, tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của Cảng.
- Kết hợp với các đơn vị Logistic khai thác thêm nhiều khách hàng mới, nhất là các khách hàng tiềm năng xuất khẩu gạo tại địa phương và các khu vực lân cận để đóng hàng container tại Cảng cũng như vận chuyển container đóng hàng tại kho của khách hàng bằng đường bộ.
- Tập trung khai thác các dịch vụ cung ứng tàu biển như: Cốt lót, cấp nước, đổ rác và các dịch vụ hàng hải khác, mở rộng thị trường cung ứng nhiên liệu cho tất cả các Cảng trong khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả ở thành phố Hồ Chí Minh.
- Tập trung kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện sản xuất, nhằm phát hiện kịp thời những hư hỏng để khắc phục đưa vào sản xuất. Kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng công cụ dụng cụ sản xuất, đề ra giải pháp sử dụng tiết kiệm công cụ dụng cụ sản xuất để giảm tối đa chi phí sản xuất cho Công ty.

- Xí Nghiệp Cảng Mỹ Thới phân công công việc hợp lý, điều động phương tiện sản xuất phù hợp để giải phóng nhanh hàng hóa cho khách hàng. Quản lý chặt chẽ các đội CNXD thủ công trong việc xếp dỡ hàng hóa, tránh những nhiễu, tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty.
- Xí nghiệp Cảng Bình Long tăng cường khai thác hàng hóa thông qua Cảng, hàng hóa lưu kho, tận dụng triệt để nhu cầu bốc xếp vận chuyển hàng hóa tại khu công nghiệp Bình Long.
- Xí nghiệp Vận Tải Bộ cùng với phòng Kế Hoạch khai thác hàng hóa vận chuyển container về kho khách hàng đóng hàng và mở rộng khu vực vận chuyển ra các khu công nghiệp ở các tỉnh lân cận khi cầu Vàm Cống đưa vào hoạt động.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng, ban, xí nghiệp nhằm quản lý điều hành sản xuất một cách khoa học, tiết kiệm. Quản lý chặt chi phí nhằm giảm giá thành. Thu hồi công nợ kịp thời, không để phát sinh nợ khó đòi. Đồng thời kiểm tra công tác quản lý kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường... ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác khai thác, quản lý, thống kê.
- Ngoài ra công ty còn tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý Nhà nước như Cảng Vụ, Hải Quan, Biên Phòng, Kiểm dịch y tế quốc tế... để hỗ trợ Cảng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ô nhiễm môi trường luôn là vấn đề được quan tâm nhất hiện nay. Tình trạng ô nhiễm ngày một nghiêm trọng, gây bức xúc cho người dân khi rác thải sinh hoạt, chất thải chưa **xử lý** từ nhà máy ra môi trường ngày càng gia tăng. Hậu quả cho vấn đề này là nhiệt độ nóng lên toàn cầu, các cơn bão xảy ra thường xuyên hơn, ... Trong khi đó, hoạt động của các hệ thống cảng biển lại có những tác động đến môi trường. Các hoạt động như sửa chữa nhỏ, cung cấp dầu mỡ, nhiên liệu cho các chủ tàu, v.v... gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn nước tại các cảng biển. Ngoài ra, việc rò rỉ các chất thải, hóa chất cũng làm cho môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng và khó xử lý triệt để.

Hiểu rõ điều này, Công ty Cổ phần Cảng An Giang đã luôn tuân thủ những quy định của luật pháp về việc bảo vệ môi trường và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo quy định. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi dọn dẹp vệ sinh để nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên Công ty trong việc bảo vệ môi trường. Các chính sách tiết kiệm điện, nước, nguyên vật liệu, v.v... cũng được triển khai nhằm góp phần tối thiểu chi phí hoạt động kinh doanh và bảo vệ được nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt. Hàng năm, từng quý công ty có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống của cán bộ công nhân viên cả về tinh thần lẫn vật chất bởi công ty hiểu rõ tầm quan trọng của nguồn nhân lực. Các quy định về tiền lương, thưởng, các chính sách về bảo hiểm dành cho các cán bộ nhân viên luôn được Công ty đảm bảo và thực hiện đúng theo quy định của Luật Lao động. Hàng năm, Công đoàn Công ty đã tổ chức những đợt tham quan, du lịch, các hoạt động văn hóa, thể thao, v.v... nhằm nâng cao tinh thần làm việc của các cán bộ nhân viên Công ty. Ngoài ra, công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nâng cao trình độ cho các cán bộ nhân viên cũng như cử các cán bộ nhân viên của Công ty tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để có thể nâng cao được chất lượng dịch vụ của Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tương thân, tương ái là nét đẹp truyền thống của dân tộc ta, cần được duy trì và phát triển. Để tiếp nối và giữ gìn nét truyền thống quý báu này Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động giúp đỡ cộng đồng gặp khó khăn. Trong năm qua, các cơn bão lại tiếp tục diễn ra bất thường, gây khó khăn cho người dân và hậu quả nặng nề hơn là tổn thất về mùa màng và tài sản. Nhằm giúp đỡ và san sẻ phần nào mát mát cho họ, năm qua công ty đã ủng hộ đồng bào vùng bị bão lũ, hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho những gia đình có công với đất nước, v.v.... Ngoài ra, nhận thức rằng một đất nước phát triển bền vững thì nuôi dưỡng mầm non là điều cần thiết, tuy nhiên hoàn cảnh gia đình khó khăn làm các em gặp trở ngại để tiếp tục đến trường. Do đó, Công ty đã trao những xuất học bổng cho những em có hoàn cảnh khó khăn giúp các em tiếp tục đến trường.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**
- **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
- **CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Năm 2018 là năm đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành xuất khẩu gạo tại Việt Nam khi kim ngạch tăng 20% cả về sản lượng lẫn giá trị. Tuy nhiên, các thị trường truyền thống của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long lại không ổn định cộng với biến đổi khí hậu, mất mùa và các chính sách lương thực tại một số quốc gia cũng đã gây ra nhiều khó khăn, thách thức đến hoạt động của Công ty.

Cơ cấu hàng hóa thông qua Cảng năm 2018 có sự thay đổi khi các mặt hàng nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng thì một hàng xuất khẩu và container giảm hơn so với cùng kỳ. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng cũng sụt giảm chỉ bằng 90,96% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do sản lượng hàng xuất khẩu, nội địa và container thông qua Cảng giảm mạnh, nhất là gạo nội và clinker. Sự sụt giảm của gạo nội địa là do giá gạo tại Đồng bằng Sông Cửu Long không ổn định, có khi cao hơn giá tại các tỉnh miền Bắc, nên lượng gạo nội xuất qua Trung Quốc giảm mạnh. Dịch vụ vận chuyển clinker cho các nhà máy xi măng cũng gặp không ít khó khăn khi phần lớn các nhà máy xi măng tự vận chuyển bằng bến cảng riêng hoặc chọn các cảng lớn tại TP.HCM. Các tàu giao clinker ở các cảng TP.HCM do phương tiện lên giao hàng và nhận clinker về từ đó giải phóng tàu nhanh và chi phí thấp hơn.



Mặt hàng đóng gói, vận chuyển và bốc dỡ chủ yếu của Công ty là gạo nhưng trong năm qua thời tiết diễn ra thất thường, làm ảnh hưởng đến mùa vụ. Bên cạnh đó, luồng sông Hậu vẫn chưa thể tiếp nhận tàu có trọng tải lớn nên gạo phải vận chuyển đến các cảng lớn tại TP.HCM và xếp lên tàu lớn, do đó cước phí vận chuyển chưa thể linh hoạt. Ngoài ra, các quốc gia trong khu vực đã thay đổi chính sách lương thực và đặt ra nhiều rào cản kỹ thuật làm hạn chế việc xuất khẩu của các doanh nghiệp. Dịch vụ đóng gạo vào container cũng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi tình hình chung và sự cạnh tranh với 4 công ty trong cùng khu vực. Tuy gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nhưng với sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cùng với sự quyết tâm của tập thể CB – CNV người lao động trong toàn Công ty nên Công ty vẫn giữ được khách hàng truyền thống, giữ vững vị thế đứng đầu của Công ty tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực và nhạy bén của Ban Tổng Giám đốc. Trong bối cảnh thị trường hàng hóa có sự cạnh tranh khốc liệt, các doanh nghiệp vận tải còn gặp nhiều khó khăn, luồng vào cảng còn nhiều hạn chế... Ban Tổng giám đốc đã theo dõi, cập nhật thị trường và đưa ra các chính sách kịp thời, phù hợp với từng thời điểm cũng như chú trọng công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, điều hành công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ Hội đồng quản trị đã đề ra từ đầu năm



Hội đồng quản trị đã thống nhất với Ban Tổng giám đốc xây dựng phương án cơ cấu sử dụng lao động cắt giảm từ 170 lao động xuống còn 155 lao động hiện nay, nhằm để tinh gọn bộ máy nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị điều hành nghiệp vụ, chuyên môn.

Trong quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy: Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cũng như các quyết định của Hội đồng quản trị như:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện những chiến lược mà Hội đồng quản trị đề ra có trọng tâm, đúng hướng, hiệu quả.
- Thực hiện tốt chức năng trong quản trị điều hành công ty, triển khai hiệu quả nhiều giải pháp, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, các chế độ chính sách đối với người lao động, công tác vệ sinh môi trường luôn được đảm bảo, an ninh trật tự trong công ty được giữ vững.

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời, đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, thực hiện quy trình đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật... đảm bảo đầu tư khai thác có hiệu quả, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư.
- Tuân thủ và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan; Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty; Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế tài chính...

Bên cạnh đó, Ban điều hành cũng tiếp tục hoàn chỉnh đồng bộ các văn bản pháp lý, các quy chế, quy định nội bộ, theo chức năng, nhiệm vụ để bảo đảm tính chủ động, phối hợp nhịp nhàng của bộ máy điều hành các cấp trong công ty. Đặc biệt là ban hành các quy định tiết giảm mạnh các chi phí như: đầu tư, sửa chữa, mua sắm chưa cần thiết; chi phí hội nghị, khánh tiết, tiếp khách,.. nhằm để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình thế giới năm 2018 diễn biến phức tạp khi cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc liên tục diễn ra. Trong bối cảnh nền kinh tế đang phục hồi, các chính sách tài khóa của các nền kinh tế lớn sẽ kích thích tăng trưởng toàn cầu bất chấp xu hướng bảo hộ mậu dịch có thể gây ra tác động tiêu cực. Tuy nhiên, hai nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc năm qua lại đưa ra các chính sách bảo hộ, áp thuế nhiều mặt hàng, ảnh hưởng đến nhiều quốc gia trên thế giới.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2018 được đánh giá là một điểm sáng của Châu Á bởi tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức cao trong 10 năm qua, khoảng 7,08%. Năm qua FED đã tăng 4 lần lãi suất, đưa mức lãi suất cao nhất từ trước đến nay, 2,25-2,5% đã khiến cho đồng USD mạnh lên, đồng VND yếu đi tạo thuận lợi cho việc xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường này. Đặc biệt là các mặt hàng nông sản, thủy sản ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long đang được Chính phủ rất quan tâm và dự kiến sẽ là một trong các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam vào các thị trường khó tính như Hoa Kỳ... Do đó hoạt động xuất khẩu sẽ được đẩy mạnh trong thời gian tới, tạo ra nhiều cơ hội trong mọi mặt hoạt động của Công ty, do vậy tiềm năng phát triển trong tương lai của Công ty là rất lớn.

Nhưng bên cạnh những thuận lợi, chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp trong khi thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặt ra không ít những khó khăn, thách thức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY NĂM 2019

Qua kết quả SXKD nhiều năm của công ty, HĐQT xác định chiến lược SXKD là phát triển cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Vì vậy, HĐQT tập trung chỉ đạo, giám sát trực tiếp hoạt động đầu tư như mua sắm trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng; bàn bạc trực tiếp với Ban Tổng giám đốc về cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị, nâng cao trình độ quản lý; tìm kiếm và mở rộng thị phần gắn với xây dựng đầu tư các hạng mục Dự án mở rộng cảng giai đoạn 1 từ nay đến 2021.

- Mục tiêu của công ty là: Tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông, lợi ích của CB.CNV công ty. Đồng thời tiếp tục giữ vững và nâng cao đời sống CB.CNV trên cơ sở sản xuất phát triển, kinh doanh có hiệu quả.
- Định hướng sản xuất kinh doanh của công ty:
 - Giữ vững sự ổn định hiện có, đảm bảo tốc độ tăng trưởng về giá trị SXKD, doanh thu, lợi nhuận hàng năm.
 - Lấy sản xuất, kinh doanh dịch vụ xếp dỡ hàng hóa làm trọng tâm. Đồng thời khai thác tốt các cơ hội kinh doanh đem lại lợi nhuận cao để hỗ trợ. Trước mắt cần tận dụng, khai thác tốt cơ sở hạ tầng công ty hiện có.
 - Tăng cường và mở rộng hợp tác với các đối tác, chủ hàng, các đơn vị logistics, các nhà đầu tư, các công ty có tiềm lực... để tận dụng tốt cơ hội kinh doanh.
 - Đầu tư xây dựng một số hạng mục như: Bờ kè gắn với bãi hiện có (khoảng 4.500m²) trong dự án mở rộng Cảng giai đoạn 1 để trước mắt mở rộng khai thác hàng container đóng, rút hàng tại bãi

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2019

- Sản lượng hàng hóa thông qua: 1.750.000 tấn.
- Doanh thu: 74,6 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 4,5 tỷ đồng.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Đẩy mạnh và làm tốt công tác tiếp thị đối với 02 mặt hàng chiến lược hiện nay là gạo đóng container và gạo xuất khẩu. Bên cạnh có chính sách chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ tạo uy tín với chủ hàng, chủ tàu đến cảng, xây dựng và phát triển thương hiệu mạnh để giữ vững và mở rộng thị phần cho công ty.
- Áp dụng các biện pháp tích cực để thu hồi nợ đọng; bảo toàn và phát triển vốn, đáp ứng được yêu cầu về sản xuất và đầu tư.
- Đẩy mạnh việc mở rộng các dịch vụ logistics, gắn với xây dựng bờ kè trước mắt để khai thác bãi cứng chứa, đóng, rút hàng container (khoảng 4.500 m²) hiện có trong dự án mở rộng cảng đã được bàn giao, để nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, phát huy tuyến vận chuyển container Cảng Bình Long – Mỹ Thới – TP. Hồ Chí Minh nhằm góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.
- Tiếp tục giải tỏa, đền bù đối với các hộ dân trong Dự án mở rộng cảng, sau đó tạo quỹ đất sạch tiến hành xây dựng từng hạng mục phù hợp với nhu cầu phát triển và tính hiệu quả của dự án. Song song mở rộng thị phần để tạo nguồn hàng ổn định, tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty
- iết kiệm, chống lãng phí đặc biệt là chi phí nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng vật tư, chi phí quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- Quản lý và sử dụng linh hoạt, hợp lý lao động trên cơ sở khối lượng công việc hiện có, bên cạnh gắn liền quyền lợi với kết quả công việc nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất hiệu quả công tác.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**
- **CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH**



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do vắng
01	Lê Việt Thành	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%	
02	Bùi Thành Hiệp	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD	3/3	100%	
03	Trần Văn Cam	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	3/3	100%	
04	Trần Tấn Phong	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	3/3	100%	
05	Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	3/3	100%	
06	Lê Văn Phúc	Thành viên HĐQT	2/3	66,7%	công tác
07	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT	1/3	33,3%	đi khám bệnh

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
01	10/NQ-HĐQT	23/03/2018	1/- Thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018;
			2/- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018;
			3/- Thống nhất thông qua Quy chế công bố thông tin Công ty Cổ phần Cảng An Giang;
			4/- Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;
			5/- Thống nhất thông qua tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty năm 2018;
			6/- Đối với các nội dung: - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018; - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017; - Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2017; - Phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2018; - Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; - Điều chỉnh số liệu báo cáo Hội đồng quản trị, báo cáo Tổng Giám đốc theo Báo cáo tài chính về quỹ lương thực hiện - Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2018; - Chủ trương xây dựng kế số 3 trong hạng mục đầu tư Dự án mở rộng Cảng giai đoạn 1;
			Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho ông Trần Văn Cam -Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc làm việc, báo cáo, giải trình với Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về vấn đề nêu tại Điều 6. Trên cơ sở SCIC có văn bản chỉ đạo về các nội dung nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định ban hành Nghị quyết thực hiện.
			1/- Thống nhất thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2017 và Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2018.
			2/- Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;
			3/- Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc;
02	11/NQ-HĐQT	23/04/2018	4/- Thống nhất thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty;
			5/- Thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017. Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 1,93%/ vốn điều lệ.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
03	13/NQ-HĐQT	24/05/2018	<p>1/- Chấp thuận đầu tư mua 01 xe ô tô mới 05 chỗ hay 07 chỗ, với hạn mức đầu tư dưới 01 (một) tỷ đồng. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc, trên cơ sở tuân thủ theo quy chế tài chính của Công ty và các quy định của nhà nước về đầu tư mua sắm tài sản, thực hiện lựa chọn và mua xe đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu kinh doanh của Công ty.</p> <p>2/- Đồng ý đề xuất của Tổng Giám đốc chưa bán thanh lý xe ô tô 67L-4716 để tiếp tục sử dụng. Tổng Giám đốc chủ động sắp xếp, giao đơn vị quản lý và khai thác tốt phương tiện phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty</p>
04	14/NQ-HĐQT	10/08/2018	<p>1/- Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2018 và phương hướng hoạt động quý III năm 2018.- Báo cáo tài chính 06 tháng năm 2018 đã được kiểm toán.- Triển khai chi trả cổ tức năm 2017 theo tờ trình của Tổng Giám đốc. <p>2/- Thống nhất chủ trương xây kè, chống sạt lở bảo vệ bãi cứng Sở Giao thông vận tải (cũ) theo hồ sơ dự toán được phê duyệt. Giao Tổng Giám đốc triển khai thủ tục, thực hiện đúng quy định pháp luật về lập dự án và quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản, trình Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định.</p> <p>3/- Thống nhất chủ trương thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông. Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các thủ tục bán cổ phần, trình Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định</p> <p>4/- Thống nhất chủ trương giải thể, sáp nhập Trung tâm Logistics Cảng Mỹ Thới vào phòng Kế hoạch, để tăng cường nhân sự thực hiện chiến lược khai thác dịch vụ logistics tại Công ty</p>
05	15/NQ-HĐQT	31/10/2018	<p>1/- Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2018 và phương hướng hoạt động quý IV năm 2018.- Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2018. <p>2/- Thống nhất báo cáo của Ban kiểm soát về đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2018.</p> <p>3/- Đối với việc xây kè chống sạt, lở bảo vệ bãi cứng. Giao Tổng Giám đốc xem xét, rà soát hồ sơ xây kè bảo vệ bãi cứng Sở Giao thông vận tải An Giang (cũ) báo cáo Hội đồng quản trị xem xét quyết định trong kỳ họp tới, do thay đổi tổng dự toán.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
06	16/NQ-HĐQT	03/12/2018	<p>1/- Thống nhất thông qua việc đầu tư xây dựng công trình kè bảo vệ bãi cứng phần khu đất của Sở GTVT đã bàn giao cho Công ty CP Cảng An Giang. Tổng giá trị xây dựng theo báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán là: 3.511.530.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm mười một triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).</p> <p>2/- Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc triển khai thủ tục, thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành về lập dự án và quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản</p>
07	17/NQ-HĐQT	17/12/2018	<p>1/- Giao Tổng Giám đốc giữ vai trò người quyết định đầu tư và chủ đầu tư trong dự án đầu tư xây dựng công trình kè bảo vệ bãi cứng phần khu đất của Sở GTVT (cũ).</p> <p>2- Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai thủ tục, thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành về lập dự án và quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản</p>
08	01/QĐ-HĐQT	23/03/2018	Về việc Ban hành quy chế Công bố thông tin Công ty CP Cảng An Giang
09	02/QĐ-HĐQT	10/04/2018	Về việc Thành lập Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018
10	03/QĐ-HĐQT	18/05/2018	Về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
11	04/QĐ-HĐQT	18/05/2018	Về việc Giao quỹ tiền lương năm 2018
12	05/QĐ-HĐQT	18/05/2018	Về việc Phê duyệt quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2017
13	06/QĐ-HĐQT	28/08/2018	Về việc giải thể Trung tâm Logistics Cảng Mỹ Thới và sáp nhập vào phòng Kế hoạch – CTCP Cảng An Giang
14	07/QĐ-HĐQT	28/08/2018	Về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Dầu Khí Mê Kông

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành trong năm đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị trao đổi, đóng góp và đưa ra giải pháp thúc đẩy các hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh của Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị công ty

Không có.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong 2018, Ban Kiểm soát đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
01	Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban	3/3	100%
02	Trần Thị Thu Trà	Thành viên	3/3	100%
03	Trần Thị Thúy Hạnh	Thành viên	3/3	100%

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và Cổ đông

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Hàng quý tham gia họp giao ban để theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham gia đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, để báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát đối với Công ty,
- Thường xuyên đóng góp ý kiến, kiến nghị nhằm hoàn thiện các chính sách, quy trình, quy chế để nâng cao năng lực của Ban điều hành Công ty.
- Tại mỗi cuộc họp, Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hàng kỳ tại các cuộc họp Ban kiểm soát và họp Hội đồng quản trị.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp tư vấn với các phòng ban chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc giao phó. Các biên bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị đều gửi cho Ban kiểm soát để cập nhật và đưa ra ý kiến góp ý kịp thời.
- Năm 2018 giám sát việc ban hành và thực hiện 01 thông báo và 04 quyết định về chi tiêu nội bộ, về đảm bảo ANTT và thành lập Ban định mức và Tổ mua hàng.





CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thưởng theo tiền lương	Thưởng
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
01	Lê Việt Thành	CT HĐQT	5.500.000	Không	Không
02	Bùi Thành Hiệp	Phó CT HĐQT	4.500.000	Không	Không
03	Trần Văn Cam	Thành viên	3.500.000	Không	Không
04	Trần Tấn Phong	Thành viên	3.500.000	Không	Không
05	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên	3.500.000	Không	Không
06	Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên	3.500.000	Không	Không
07	Lê Văn Phúc	Thành viên	3.500.000	Không	Không
BAN KIỂM SOÁT					
01	Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban	2.500.000	Không	Không
02	Trần Thị Thu Trà	Thành viên	1.500.000	Không	Không
03	Trần Thị Thúy Hạnh	Thành viên	1.500.000	Không	Không
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG					
01	Bùi Thành Hiệp	Tổng Giám đốc	34.352.947	Không	Không
02	Trần Văn Cam	Phó Tổng Giám đốc	18.403.365	Không	Không
03	Trần Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc	18.403.365	Không	Không
04	Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban công nợ	17.176.474	Không	Không
05	Nguyễn Văn Cơ	Kế toán trưởng	17.176.474	Không	Không
TỔNG CỘNG			138.512.625		

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ
Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ
Không có

Thực hiện các quy định về quản trị công ty
Công ty Cổ phần Cảng An Giang luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật về quản trị Công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Mỹ Thới An Giang theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Cảng Mỹ Thới An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600125108 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 91 tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (0296).3.831.401
- Fax : (0296).3.831.129

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cảng Mỹ Thới	Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, p. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Cảng Bình Long	Xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Vận Tải Bộ	Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, p. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thu gom rác thải không độc; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Đóng tàu và cầu kiện nổi; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Xây xát và sản xuất bột thổ; Bán buôn gạo; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển; Hoạt động của đại lý hải quan, giao nhận hàng hoá; Cho thuê văn phòng làm việc; Xây dựng công trình dân dụng; Dịch vụ cung ứng tàu biển.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Việt Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Thành Hiệp	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Văn Cam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Tấn Phong	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn Phúc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ban Kiểm soát		
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thúy Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ban Tổng Giám đốc		
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Thành Hiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2011
Ông Trần Văn Cam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Thành Hiệp – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2011).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Bùi Thành Hiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2019

Số: 4.0065/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 01 năm 2019, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

Nguyễn Ngọc Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2616-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 04 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.517.399.210	49.474.697.226
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.393.986.632	17.931.460.903
1. Tiền	111		13.393.986.632	12.931.460.903
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	15.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.781.380.072	12.810.487.045
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.312.829.453	13.637.769.688
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	165.302.539	132.302.539
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	788.804.667	745.505.694
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.485.556.587)	(1.705.090.876)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.601.292.060	2.544.787.900
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.638.789.552	2.544.787.900
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(37.497.492)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		740.740.446	1.187.961.378
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	740.740.446	1.187.491.706
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	469.672
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.424.593.903	103.686.110.493
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.555.760.000	10.555.760.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	10.555.760.000	10.555.760.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		81.918.296.574	88.780.895.219
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	79.668.043.460	86.530.642.105
- Nguyên giá	222		176.730.152.114	175.528.106.659
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.062.108.654)	(88.997.464.554)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.250.253.114	2.250.253.114
- Nguyên giá	228		2.250.253.114	2.250.253.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		78.567.000	78.567.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	78.567.000	78.567.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.330.232.156	3.282.426.747
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	4.320.000.000	4.320.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(989.767.844)	(1.037.573.253)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		541.738.173	988.461.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	541.738.173	988.461.527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		151.941.993.113	153.160.807.719

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.200.032.236	7.629.190.962
I. Nợ ngắn hạn	310		5.634.486.786	6.322.730.736
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.608.368.400	2.293.808.485
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	31.619.880	28.449.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	413.380.067	583.040.507
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.118.036.468	1.986.355.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.051.366	6.941.959
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	45.454.545	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	605.516.054	587.392.042
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	613.187.500	818.250.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	195.872.506	18.492.663
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		565.545.450	1.306.460.226
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	204.545.450	477.272.726
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	361.000.000	216.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	-	613.187.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		145.741.960.877	145.531.616.757
I. Vốn chủ sở hữu	410		145.741.960.877	145.531.616.757
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	138.000.000.000	138.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138.000.000.000	138.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	4.554.660.975	4.397.979.092
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	3.187.299.902	3.133.637.665
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		192.016	3.133.637.665
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.187.107.886	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		151.941.993.113	153.160.807.719

An Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2019

Lâm Ngọc Strong
Người lập

Nguyễn Văn Cơ
Kế toán trưởng

Bùi Thành Hiệp
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1a	66.332.377.000	67.836.812.732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.332.377.000	67.836.812.732
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	53.578.824.508	52.605.200.089
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.753.552.492	15.231.612.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	1.168.745.121	1.032.094.990
7. Chi phí tài chính	22	VL4	46.645.115	51.925.422
Trong đó: chi phí lãi vay	23		94.450.524	171.358.595
8. Chi phí bán hàng	25	VL5	1.464.063.077	1.349.310.652
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	8.356.113.294	11.001.628.529
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.055.476.127	3.860.843.030
11. Thu nhập khác	31	VL7	25.909.142	146.098.992
12. Chi phí khác	32	VL8	31.115.870	21.886.419
13. Lợi nhuận khác	40		(5.206.728)	124.212.573
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.050.269.399	3.985.055.603
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	863.161.513	851.417.938
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.187.107.886	3.133.637.665
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9a	208	204
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL9a	208	204

Lâm Ngọc Sương
Người lậpNguyễn Văn Cơ
Kế toán trưởngBùi Thành Hiệp
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

11

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.050.269.399	3.985.055.603
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	8.064.644.100	7.963.228.580
- Các khoản dự phòng	03	VL2, VL4, VL6	(229.842.206)	383.494.831
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VL3	(990.033)	147.671
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VL3	(1.039.089.422)	(1.002.777.775)
- Chi phí lãi vay	06	VL4	94.450.524	171.358.595
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.939.442.362	11.500.507.505
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(748.944.621)	4.287.929.835
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(94.001.652)	(79.459.888)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(485.507.437)	643.280.340
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		893.474.614	2.182.956.621
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(98.341.117)	(175.035.848)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.013.690.769)	(1.709.900.198)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(292.665.806)	(1.042.623.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.099.765.574	15.607.654.586
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(1.202.045.455)	(1.253.710.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(115.000.000.000)	(110.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		130.000.000.000	110.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.037.144.977	1.221.583.331
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.835.099.522	(32.127.578)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

12

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(818.250.000)	(818.250.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a, V.20a	(2.655.079.400)	(9.646.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.473.329.400)	(10.464.290.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.461.535.696	5.111.237.008
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	17.931.460.903	12.820.371.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	990.033	(147.671)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	38.393.986.632	17.931.460.903

An Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2019

 **Lâm Ngọc Strong**
Người lập

 **Nguyễn Văn Cơ**
Kế toán trưởng

 **Bùi Thành Hiệp**
Tổng Giám đốc



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho vận tải đường thủy, vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 155 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 177 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa thường xuyên và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá miền Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Theo Công văn số 534/CT-THNVDT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Cục thuế tỉnh An Giang trả lời về việc khấu trừ lợi thế vị trí địa lý (lợi thế kinh doanh) của Công ty Cổ phần Cảng An Giang thì từ năm 2015 trở đi giá trị lợi thế vị trí địa lý được khấu trừ vào tiền thuế đất phải nộp hàng năm số tiền là 1.517.895.680 VND cho đến khi hết giá trị lợi thế vị trí địa lý này.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

21

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	242.841.200	408.102.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.151.145.432	12.523.358.103
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	25.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	38.393.986.632	17.931.460.903

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Dầu khí				
Mekong	4.320.000.000	(989.767.844)	4.320.000.000	(1.037.573.253)
Cộng	4.320.000.000	(989.767.844)	4.320.000.000	(1.037.573.253)

Theo Công văn số 143/AGP ngày 16 tháng 6 năm 2011 gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Cổ phần Cảng An Giang đồng ý góp vốn làm cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang với tổng số vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND.

Theo thỏa thuận về việc thành lập Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang ngày 27 tháng 6 năm 2011 tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Cảng An Giang là 9.000.000.000 VND tương đương 11,25% vốn điều lệ. Năm 2015, Công ty Cổ phần Cảng An Giang đã bị hoán đổi cổ phần của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang lấy cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong theo tỷ lệ 1:0,96 theo thông báo số 1063/TB-DKMK ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong về việc sáp nhập.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

22

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.037.573.253	1.157.217.647
Hoàn nhập dự phòng	(47.805.409)	(119.644.394)
Số cuối năm	989.767.844	1.037.573.253

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	32.774.200	25.000.000
Nguyễn Quốc Bảo	32.774.200	25.000.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	14.280.055.253	13.612.769.688
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Tiếp vận vận tải		
Hoàng Phú An	1.236.505.300	2.472.452.000
Nguyễn Đức Diên	1.968.930.492	779.207.559
Các khách hàng khác	11.074.619.461	10.361.110.129
Cộng	14.312.829.453	13.637.769.688

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì đường thủy nội địa số 13	22.000.000	22.000.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang	90.346.000	90.346.000
Các nhà cung cấp khác	52.956.539	19.956.539
Cộng	165.302.539	132.302.539

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Trường Kỹ thuật nghiệp vụ - Sở Giao thông Vận tải An Giang	10.000.000.000	10.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	555.760.000	555.760.000
Cộng	10.555.760.000	10.555.760.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi dự thu – tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	30.347.222	-	28.402.777	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

23

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	349.901.489	-	216.046.973	-
Khoản chi vượt Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành chờ nguồn bù đắp	222.896	-	35.271.819	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	408.333.060	-	465.784.125	-
Cộng	788.804.667	-	745.505.694	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc		Thời gian quá hạn	Giá gốc	
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại Dịch vụ Hoa Lư		-	-		542.798.823	162.839.647
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>		-	-	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	542.798.823	162.839.647
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tỷ Hưng		143.656.776	-		143.656.776	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	143.656.776	-	<i>Trên 03 năm</i>	143.656.776	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Văn Minh		51.248.722	-		51.248.722	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	51.248.722	-	<i>Trên 03 năm</i>	51.248.722	-
Công ty Cổ phần Thái Đức Dược		74.272.859	-		74.272.859	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	74.272.859	-	<i>Trên 03 năm</i>	74.272.859	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Thành		22.606.300	-		22.606.300	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	22.606.300	-	<i>Trên 03 năm</i>	22.606.300	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hải Châu		160.933.487	-		160.933.487	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	160.933.487	-	<i>Trên 03 năm</i>	160.933.487	-
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ An Hải		181.200.000	-		181.200.000	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	181.200.000	-	<i>Trên 03 năm</i>	181.200.000	-
Công ty TNHH Gia Hiện		60.110.000	-		60.110.000	18.033.000
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	60.110.000	-	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	60.110.000	18.033.000
Các tổ chức khác		1.766.760.886	975.232.443		2.923.859.552	2.274.722.996

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

24

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền bán hàng	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	459.260.000	Từ 05 tháng đến dưới 01 năm	2.651.579.552
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.307.500.886	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	272.280.000
Cộng		2.460.789.030		4.160.686.519

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.705.090.876	1.201.951.651
Trích lập dự phòng bổ sung	160.424.887	503.139.225
Hoàn nhập dự phòng	(379.959.176)	-
Số cuối năm	1.485.556.587	1.705.090.876

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.617.406.654	(37.497.492)	1.108.004.275	-
Công cụ, dụng cụ	1.012.392.877	-	1.406.248.604	-
Hàng hóa	8.990.021	-	30.535.021	-
Cộng	2.638.789.552	(37.497.492)	2.544.787.900	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	37.497.492	-
Số cuối năm	37.497.492	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	225.913.814	303.303.379
Phí bảo hiểm	74.627.591	74.526.494
Sửa chữa thường xuyên	407.353.540	778.589.155
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	32.845.501	31.072.678
Cộng	740.740.446	1.187.491.706

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh về vị trí địa lý	-	386.196.160
Giá trị lợi thế kinh doanh về giá trị thương hiệu	115.469.694	166.789.530
Các chi phí trả trước dài hạn khác	426.268.479	435.475.837
Cộng	541.738.173	988.461.527

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	80.885.596.186	6.451.059.376	88.191.451.097	175.528.106.659
Mua trong năm		198.000.000	1.004.045.455	1.202.045.455
Số cuối năm	80.885.596.186	6.649.059.376	89.195.496.552	176.730.152.114
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		39.550.000		39.550.000
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	42.713.395.439	4.144.176.804	42.139.892.311	88.997.464.554
Khấu hao trong năm	2.367.195.204	398.990.244	5.298.458.652	8.064.644.100
Số cuối năm	45.080.590.643	4.543.167.048	47.438.350.963	97.062.108.654
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	38.172.200.747	2.306.882.572	46.051.558.786	86.530.642.105
Số cuối năm	35.805.005.543	2.105.892.328	41.757.145.589	79.668.043.460
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải, truyền dẫn có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.366.596.180 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Giang.

10. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang			
Công trình dự án đầu tư và mở rộng Cảng Mỹ Thới	78.567.000	-	78.567.000
Cộng	78.567.000	-	78.567.000

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Thương mại Vạn Vạn Phúc	806.540.000	711.440.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Quốc tế Đại Minh	181.100.000	893.391.185
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long tại An Giang	511.140.000	-
Các nhà cung cấp khác	109.588.400	688.977.300
Cộng	1.608.368.400	2.293.808.485

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**Trả trước của các khách hàng khác**

Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải biển Đại

Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Tân

Các khách hàng khác

Cộng**Số cuối năm****Số đầu năm**

17.821.683

17.821.683

5.320.000

5.320.000

8.478.197

5.308.147

31.619.880**28.449.830****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****Số đầu năm****Số phát sinh trong năm****Số cuối năm****Bù trừ lợi
thế vị trí địa
lý****Phải nộp****Phải thu****Số phải nộp****Số đã thực nộp****Phải nộp****Phải thu**

Thuế GTGT

hàng bán nội

địa

366.857.061

-

4.293.998.476

(4.318.381.172)

-

342.474.365

-

Thuế thu nhập

doanh nghiệp

216.183.446

-

863.161.513

(1.013.690.769)

-

65.654.190

-

Thuế thu nhập

cá nhân

-

469.672

77.025.739

(71.304.555)

-

5.251.512

-

Thuế nhà đất,

tiền thuê đất

-

1.545.495.680

(1.159.299.520)

(386.196.160)

-

-

-

Các loại thuế

khác

-

-

3.000.000

(3.000.000)

-

-

-

Phí, lệ phí và

các khoản phải

nộp khác

-

-

111.241.277

(111.241.277)

-

-

-

Cộng**583.040.507****469.672****6.893.922.685****(6.676.917.293)****(386.196.160)****413.380.067****-****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0%; 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

(cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.050.269.399	3.985.055.603
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	244.675.870	257.034.090
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.255.886)	(156.077.821)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

27

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập chịu thuế	4.287.689.383	4.086.011.872
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	4.287.689.383	4.086.011.872
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	857.537.877	817.202.374
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	5.623.636	34.215.564
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	863.161.513	851.417.938

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 42.585,2 m² theo hợp đồng thuê đất số 52/HĐ.TĐ ngày 20 tháng 6 năm 2012, thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2012 đến ngày 03 tháng 5 năm 2062, trong đó 3.885,4 m² * đơn giá 56.000 đồng/m²/năm, còn lại 38.699,8 m² * đơn giá 33.600 đồng/m²/năm.

Theo Công văn số 534/CT-THNVDT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Cục thuế tỉnh An Giang trả lời về việc khấu trừ lợi thế vị trí địa lý (lợi thế kinh doanh) của Công ty Cổ phần Cảng An Giang thì từ năm 2015 trở đi giá trị lợi thế vị trí địa lý được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm số tiền là 1.517.895.680 VND cho đến khi hết giá trị lợi thế vị trí địa lý này.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Doanh thu chưa thực hiện**16a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến tổ chức khác		
Doanh thu dịch vụ nhận trước	45.454.545	-
Cộng	45.454.545	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

28

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến tổ chức khác</i>		
Doanh thu dịch vụ nhận trước	204.545.450	477.272.726
Cộng	204.545.450	477.272.726

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả cổ tức các cổ đông	24.800.600	16.480.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	580.715.454	570.912.042
Cộng	605.516.054	587.392.042

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Công ty TNHH MTV Thép Thành Ngộ – Tiền đặt cọc thuê kho	120.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn UNIS – Tiền đặt cọc thuê kho	25.000.000	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Hoà Bình Minh – Chi nhánh Cần Thơ – Tiền đặt cọc thuê kho	216.000.000	216.000.000
Cộng	361.000.000	216.000.000

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	613.187.500	818.250.000
Cộng	613.187.500	818.250.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	818.250.000	818.250.000
Số tiền vay đã trả	(818.250.000)	(818.250.000)
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	613.187.500	818.250.000
Số cuối năm	613.187.500	818.250.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

29

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	-	613.187.500
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh An Giang	-	613.187.500
Cộng	-	613.187.500

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh An Giang để bổ sung vốn thanh toán mua tài sản cố định với lãi suất 8%/năm từ ngày 30/09/2015 - 30/09/2016, sau thời gian trên, lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng loại trả sau xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	613.187.500	818.250.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	613.187.500
Trên 5 năm	-	-
Cộng	613.187.500	1.431.437.500

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh An Giang như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	613.187.500	1.431.437.500
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(613.187.500)	(818.250.000)
Số cuối năm	-	613.187.500

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Bù đắp quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	18.492.663	156.681.883	-	-	175.174.546
Quỹ phúc lợi	-	156.681.883	(35.048.923)	(100.935.000)	20.697.960
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	-	-	-	-	-
Cộng	18.492.663	313.363.766	(35.048.923)	(100.935.000)	195.872.506

(*) Khoản chi vượt Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành được trình bày ở Mục V.5.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

30

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	138.000.000.000	4.400.672.794	9.841.120.141	152.241.792.935
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	3.133.637.665	3.133.637.665
Hoàn nhập quỹ trong năm trước	-	(2.693.702)	3.232.443	538.741
Trích quỹ trong năm trước	-	-	(184.352.584)	(184.352.584)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(9.660.000.000)	(9.660.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	138.000.000.000	4.397.979.092	3.133.637.665	145.531.616.757
Số dư đầu năm nay	138.000.000.000	4.397.979.092	3.133.637.665	145.531.616.757
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	3.187.107.886	3.187.107.886
Trích quỹ trong năm nay	-	156.681.883	(470.045.649)	(313.363.766)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(2.663.400.000)	(2.663.400.000)
Số dư cuối năm nay	138.000.000.000	4.554.660.975	3.187.299.902	145.741.960.877

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	73.116.000.000	52,98	73.116.000.000	-
Các cổ đông khác	64.884.000.000	47,02	64.884.000.000	-
Cộng	138.000.000.000	100	138.000.000.000	-

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 24 tháng 4 năm 2018 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số được phân phối trong năm
• Chia cổ tức cho các cổ đông	2.663.400.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận)	156.681.883
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận)	313.363.766
Cộng	3.133.445.649

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**21a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 4.203,82 USD (số đầu năm là 4.217,02 USD).

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Vosa Cần Thơ	35.746.216	35.746.216	Công nợ phát sinh từ trước năm 1992, khách hàng từ chối thanh toán.
Nguyễn Văn Bưởi	4.681.280	4.681.280	Công nợ phát sinh từ năm 1992, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Công ty Văn Lang	1.677.000	1.677.000	Công nợ phát sinh từ năm 1995, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Cục hàng hải Việt Nam	6.044.774	6.044.774	Công nợ phát sinh từ năm 1994, không thu hồi được.
Tàu Trần Đề	7.457.000	7.457.000	Công nợ phát sinh từ năm 1996, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Công ty Vận tải biển Tài chính	7.207.983	7.207.983	Công nợ phát sinh từ năm 2005, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Phòng kinh doanh Xây dựng Hàng hải	2.677.340	2.677.340	Công nợ phát sinh đã lâu, do bộ phận kế toán thay đổi không bàn giao.
Nguyễn Văn Liều	3.525.388	3.525.388	Con nợ không có khả năng thanh toán nợ.
Huỳnh Văn Linh	1.000.000	1.000.000	Không tìm được địa chỉ của đối tượng nợ.
Sáu Mẫu	1.915.750	1.915.750	Nợ phát sinh đã lâu không liên hệ được địa chỉ
Trịnh Thị Hường	13.468.262	13.468.262	Công nợ phát sinh từ năm 2000, không có khả năng thanh toán.
Từ Huân Tước	1.600.000	1.600.000	Không tìm được địa chỉ của đối tượng nợ.
Tô Xuân Thái	1.500.000	1.500.000	Công nợ phát sinh từ năm 2000, không liên hệ được địa chỉ.
Công ty Công trình Giao thông An Giang	3.192.000	3.192.000	Công nợ phát sinh từ năm 2006, đơn vị đã giải thể.
Võ Thắng Lợi	2.281.600	2.281.600	Công nợ phát sinh năm 2006, không còn hồ sơ gốc.
Công ty Nam Hưng	3.422.000	3.422.000	Công nợ phát sinh năm 2003, đối tượng nợ không thanh toán.
Cộng	97.396.593	97.396.593	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.037.573.253	1.157.217.647
Hoàn nhập dự phòng	(47.805.409)	(119.644.394)
Số cuối năm	989.767.844	1.037.573.253

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	32.774.200	25.000.000
Nguyễn Quốc Bảo	32.774.200	25.000.000
Phải thu các khách hàng khác	14.280.055.253	13.612.769.688
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Tiếp vận vận tải Hoàng Phú An	1.236.505.300	2.472.452.000
Nguyễn Đức Diên	1.968.930.492	779.207.559
Các khách hàng khác	11.074.619.461	10.361.110.129
Cộng	14.312.829.453	13.637.769.688

4. Trả trước cho người bán**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác		
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì đường thủy nội địa số 13	22.000.000	22.000.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang	90.346.000	90.346.000
Các nhà cung cấp khác	52.956.539	19.956.539
Cộng	165.302.539	132.302.539

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác		
Trường Kỹ thuật nghiệp vụ - Sở Giao thông Vận tải An Giang	10.000.000.000	10.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	555.760.000	555.760.000
Cộng	10.555.760.000	10.555.760.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi dự thu – tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	30.347.222	-	28.402.777	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

23

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.862.148	112.862.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.490.613	148.762.918
Các chi phí khác	191.469.888	165.783.726
Cộng	1.464.063.077	1.349.310.652

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.391.563.027	3.852.658.713
Chi phí vật liệu quản lý	195.797.184	185.114.894
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.965.689	87.667.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	483.420.588	392.317.568
Thuế, phí và lệ phí	1.718.169.206	1.891.646.445
Hoàn nhập dự phòng/(Dự phòng) phải thu khó đòi	(219.534.289)	503.139.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.014.447	709.362.858
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	51.319.836	1.688.184.494
Các chi phí khác	1.251.397.606	1.691.536.523
Cộng	8.356.113.294	11.001.628.529

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu bồi thường	17.300.000	-
Thu cát nạo vét công trình	-	125.730.000
Thu nhập khác	8.609.142	20.368.992
Cộng	25.909.142	146.098.992

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	7.947.657	6.843.113
Chi phí khác	23.168.213	15.043.306
Cộng	31.115.870	21.886.419

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.187.107.886	3.133.637.665
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	(318.710.789)	(313.363.766)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.868.397.097	2.820.273.899
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	208	204

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

34

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành năm nay được tạm tính theo tỷ lệ trích lập năm 2017.

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 198 VND lên 204 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.680.288.923	6.494.725.313
Chi phí nhân công	27.020.014.000	26.582.513.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.064.644.100	7.963.228.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.552.939.061	7.493.838.150
Chi phí khác	2.265.811.240	4.911.279.234
Cộng	54.583.697.324	53.445.584.405

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê bãi với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã trình bày VI.1b.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trình bày tại thuyết minh số V.3.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.014.903.088	941.405.792
Phụ cấp	40.680.000	40.680.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

35

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đồng Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Tiền thưởng	900.000	70.585.715
Thù lao	330.000.000	330.000.000
Cổ tức nhận được	103.042.700	373.730.000
Cộng	1.489.525.788	1.756.401.507

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước		
Phân phối cổ tức	1.411.138.800	5.118.120.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bốc xếp. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là mua bán nhiên liệu, công cụ, ... doanh thu từ hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 14% trong tổng doanh thu trong năm 2018. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.




Thông tin về khu vực địa lý


Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

An Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2019

 Lâm Ngọc Sương Người lập	 Nguyễn Văn Cơ Kế toán trưởng	 Bùi Thành Hiệp Tổng Giám đốc
--	--	--



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

36



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

An Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THÀNH HIỆP